

Phụ lục I
PHƯƠNG ÁN CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
LIÊN QUAN ĐẾN SẢN XUẤT, KINH DOANH CỦA BỘ XÂY DỰNG
NĂM 2025

(Kèm theo Văn bản số 5074 /BXD-VP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Bộ Xây dựng)

I. Lĩnh vực Đường sắt

1. Thủ tục hành chính: Cấp Giấy chứng nhận thẩm định an toàn hệ thống đối với đường sắt đô thị (Mã số TTHC: 1.004780)

1.1. Nội dung đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa: Bãi bỏ

- Lý do: Thay đổi phương thức quản lý của cơ quan quản lý nhà nước, tạo sự chủ động cho doanh nghiệp khi các tuyến đường sắt đô thị được đưa vào vận hành khai thác đã được đánh giá an toàn hệ thống theo quy định của pháp luật.

1.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi điều 77 khoản 3 Luật Đường sắt năm 2017.

- Lộ trình thực hiện: 2025.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 14.050.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi cắt giảm: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 14.050.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %.

2. Thủ tục hành chính: Cấp giấy chứng nhận kiểm tra định kỳ hệ thống quản lý an toàn vận hành đường sắt đô thị (Mã số TTHC: 1.004763)

2.1. Nội dung đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa: Bãi bỏ

- Lý do: Thay đổi phương thức quản lý của cơ quan quản lý nhà nước, tạo sự chủ động cho doanh nghiệp khi các tuyến đường sắt đô thị được đưa vào vận hành khai thác đã được đánh giá an toàn hệ thống theo quy định của pháp luật.

2.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi điều 77 khoản 3 Luật Đường sắt năm 2017.

- Lộ trình thực hiện: 2025.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 14.050.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi cắt giảm: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 14.050.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %.

3. Chấp thuận chủ trương xây dựng đường ngang (đối với đường sắt có tốc độ thiết kế nhỏ hơn 100 km/giờ giao nhau với đường bộ; đường sắt giao nhau với đường bộ từ cấp IV trở xuống)

3.1. Nội dung đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa:

a) Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 10 ngày làm việc xuống 7 ngày làm việc.

Lý do: Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

b) Đơn giản hóa hồ sơ:

Chuyển thành phần hồ sơ phải nộp là: Thông báo thông báo hết hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt. (Nêu tên hồ sơ): Không có thành phần hồ sơ.

3.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 8 Thông tư số 14/2023/TT-BGTVT ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ GTVT Thông tư quy định về đăng ký phương tiện giao thông đường sắt, di chuyển phương tiện giao thông đường sắt trong trường hợp đặc biệt.

- Lộ trình thực hiện: 2025.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 26.300.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 26.300.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0%.

II. Lĩnh vực đường bộ

1. Thủ tục hoặc nhóm thủ tục: Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ (2001921).

1.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Bỏ yêu cầu về thành phần hồ sơ phải nộp bao gồm thông tin về diện tích, cấu tạo chi tiết của công trình đề nghị chấp thuận quy định tại điểm c khoản 1 Điều 17 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ.

b) Bỏ yêu cầu về thành phần hồ sơ là các bản vẽ thiết kế kết cấu và biện pháp thi công hoàn trả công trình đường bộ bị ảnh hưởng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 17 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ.

c) Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 7 ngày xuống còn 5 ngày.

Lý do:

- Đơn giản hóa thủ tục hành chính, thay đổi phương thức quản lý của cơ quan nhà nước, tạo sự chủ động cho doanh nghiệp.

- Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

1.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi quy định tại điểm c khoản 1 Điều 17 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ.

- Bỏ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 17 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ.

- Sửa đổi quy định tại điểm c khoản 3 Điều 18 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 13.781.250 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 9.646.875 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 4.134.375 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính: 29%.

2. Thủ tục hoặc nhóm thủ tục: Phê duyệt phương án tổ chức giao thông trước khi đưa đường cao tốc vào khai thác; Phê duyệt điều chỉnh bổ sung phương án tổ chức giao thông đường cao tốc trong thời gian khai thác (1002798)

2.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Giảm về chỉ tiêu thời gian giải quyết từ 15 ngày làm việc thành 12 ngày làm việc.

Lý do: Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

2.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi điểm c khoản 4 Điều 26 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 36.776.250 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 36.776.250 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

3. Thủ tục hoặc nhóm thủ tục: Cấp bổ sung xe tập lái, cấp lại Giấy phép xe tập lái (1.001751)

3.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Cắt giảm thời gian thực hiện từ 03 ngày xuống còn 02 ngày.

Lý do: Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

3.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 16 Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 9.248.850.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 9.248.850.000 triệu đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 0 triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %./.

4. Thủ tục hoặc nhóm thủ tục Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe (1.001765)

4.1. Nội dung đơn giản hóa

- a) Cắt giảm thời gian thực hiện từ 08 ngày xuống còn 05 ngày.

Lý do: Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

4.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi điểm d và điểm đ khoản 2 Điều 12 Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 930.346.800 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 930.346.800 triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 0.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %./.

5. Thủ tục hoặc nhóm thủ tục: Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe (1.004993)

5.1. Nội dung đơn giản hóa

- a) Cắt giảm thời gian thực hiện từ 03 ngày xuống 02 ngày.

Lý do: Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

5.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi điểm d và điểm đ khoản 2 Điều 12 Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 50.200.500 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 50.200.500 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 0.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %./.

6. Thủ tục hoặc nhóm thủ tục: Cấp Giấy phép đào tạo lái xe, cấp Giấy phép xe tập lái (1.001777)

6.1. Nội dung đơn giản hóa

- a) Cắt giảm thời gian thực hiện từ 13 ngày xuống 08 ngày.

Lý do: Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

6.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 3 Điều 19 Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe.
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

6.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.304.848 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.304.848 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 0.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0%./.

7. Thủ tục hoặc nhóm thủ tục: Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại A, B, C, E, F, G cho phương tiện của Việt Nam (1.002357)

7.1. Nội dung đơn giản hóa

- a) Chuyển đổi từ kê khai thủ công bằng bản giấy sang kê khai trên phần mềm: điện tử hóa mẫu tờ khai trên hệ thống nghiệp vụ quản lý vận tải đường bộ.
- b) Cắt giảm thời gian thực hiện từ 02 ngày xuống còn 01 ngày.

Lý do: Để tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức cá nhân tham gia hoạt động vận tải quốc tế giữa Việt Nam đi các nước, tăng cường công tác quản lý của cơ quan nhà nước đối với hoạt động vận tải quốc tế, thực hiện đúng chủ trương chỉ đạo của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên hệ thống trực tuyến. Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

7.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 5, 6 Điều 45 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ Quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

7.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 21.125.680.100 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 16.324.512.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 4.801.168.100 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 22,73 %.

8. Thủ tục hoặc nhóm thủ tục: Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại A, B, C, E, F, G cho phương tiện của Việt Nam (2.001034)

8.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Chuyển đổi từ kê khai thủ công bằng bản giấy sang kê khai trên phần mềm: điện tử hóa mẫu tờ khai trên hệ thống nghiệp vụ quản lý vận tải đường bộ.

b) Cắt giảm thời gian thực hiện từ 02 ngày xuống còn 01 ngày.

Lý do: Để tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức cá nhân tham gia hoạt động vận tải quốc tế giữa Việt Nam đi các nước, tăng cường công tác quản lý của cơ quan nhà nước đối với hoạt động vận tải quốc tế, thực hiện đúng chủ trương chỉ đạo của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên hệ thống trực tuyến. Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

8.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 5, 6 Điều 45 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ Quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

8.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 135.839.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 109.440.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 26.339.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 19,43 %/.

9. Thủ tục hoặc nhóm thủ tục: Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN

9.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Chuyển đổi từ kê khai thủ công bằng bản giấy sang kê khai trên phần mềm: điện tử hóa mẫu tờ khai trên hệ thống nghiệp vụ quản lý vận tải đường bộ.

b) Cắt giảm thời gian thực hiện từ 02 ngày xuống còn 01 ngày.

Lý do: Để tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức cá nhân tham gia hoạt động vận tải quốc tế giữa Việt Nam đi các nước, tăng cường công tác quản lý của cơ quan nhà nước đối với hoạt động vận tải quốc tế, thực hiện đúng chủ trương chỉ đạo của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên hệ thống trực tuyến. Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

9.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 30 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

9.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.555.005 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.195.200 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 359.805 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 23,14 %.

10. Thủ tục hoặc nhóm thủ tục: Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận ASEAN (1.010704)

10.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Chuyển đổi từ kê khai thủ công bằng bản giấy sang kê khai trên phần mềm: điện tử hóa mẫu tờ khai trên hệ thống nghiệp vụ quản lý vận tải đường bộ.

b) Cắt giảm thời gian thực hiện từ 02 ngày xuống còn 01 ngày.

Lý do: Để tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức cá nhân tham gia hoạt động vận tải quốc tế giữa Việt Nam đi các nước, tăng cường công tác quản lý của cơ quan nhà nước đối với hoạt động vận tải quốc tế, thực hiện đúng chủ trương chỉ đạo của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên hệ thống trực tuyến. Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

10.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 32 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ Quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

10.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 26.832.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 20.832.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 6.000.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 22.36 %.

11. Thủ tục hoặc nhóm thủ tục Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS (1.002829)

11.1. Nội dung đơn giản hóa

- a) Chuyển đổi từ kê khai thủ công bằng bản giấy sang kê khai trên phần mềm: điện tử hóa mẫu tờ khai trên hệ thống nghiệp vụ quản lý vận tải đường bộ.
- b) Cắt giảm thời gian thực hiện từ 02 ngày xuống còn 01 ngày.

Lý do: Để tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức cá nhân tham gia hoạt động vận tải quốc tế giữa Việt Nam đi các nước, tăng cường công tác quản lý của cơ quan nhà nước đối với hoạt động vận tải quốc tế, thực hiện đúng chủ trương chỉ đạo của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên hệ thống trực tuyến. Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

11.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 35 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ Quy định về hoạt động vận tải đường bộ.
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

11.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.563.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.963.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 599.800 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 23.4 %.

12. Thủ tục hoặc nhóm thủ tục: Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận GMS hoặc số TAD (1.002817)

12.1. Nội dung đơn giản hóa

- a) Chuyển đổi từ kê khai thủ công bằng bản giấy sang kê khai trên phần mềm: điện tử hóa mẫu tờ khai trên hệ thống nghiệp vụ quản lý vận tải đường bộ.
- b) Cắt giảm thời gian thực hiện từ 02 ngày xuống còn 01 ngày

Lý do: Để tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức cá nhân tham gia hoạt động vận tải quốc tế giữa Việt Nam đi các nước, tăng cường công tác quản lý của cơ quan nhà nước đối với hoạt động vận tải quốc tế, thực hiện đúng chủ trương chỉ đạo của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên hệ thống trực tuyến. Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

12.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 37 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ Quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

12.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 42.240.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 32.640.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 9.600.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 22,73 %.

13. Thủ tục hoặc nhóm thủ tục: Đăng ký khai thác tuyến bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào (1.002847)

13.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Chuyển đổi từ kê khai thủ công bằng bản giấy sang kê khai trên phần mềm: điện tử hóa mẫu tờ khai trên hệ thống nghiệp vụ quản lý vận tải đường bộ.

b) Cắt giảm thời gian thực hiện từ 02 ngày xuống còn 01 ngày.

Lý do: Để tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức cá nhân tham gia hoạt động vận tải quốc tế giữa Việt Nam đi các nước, tăng cường công tác quản lý của cơ quan nhà nước đối với hoạt động vận tải quốc tế, thực hiện đúng chủ trương chỉ đạo của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên hệ thống trực tuyến. Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

13.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 56 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ Quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

13.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 9.888.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 8688.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.200.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12,14 %.

14. Thủ tục hoặc nhóm thủ tục: Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia (1.000302)

14.1. Nội dung đơn giản hóa

- a) Chuyển đổi từ kê khai thủ công bằng bản giấy sang kê khai trên phần mềm: điện tử hóa mẫu tờ khai trên hệ thống nghiệp vụ quản lý vận tải đường bộ.
- b) Cắt giảm thời gian thực hiện từ 02 ngày xuống còn 01 ngày.

Lý do: Để tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức cá nhân tham gia hoạt động vận tải quốc tế giữa Việt Nam đi các nước, tăng cường công tác quản lý của cơ quan nhà nước đối với hoạt động vận tải quốc tế, thực hiện đúng chủ trương chỉ đạo của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên hệ thống trực tuyến. Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

14.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 5,6 Điều 45 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ Quy định về hoạt động vận tải đường bộ.
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

14.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 10.147.215 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 6.480.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 3.667.215 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 36,14 %.

15. Thủ tục hoặc nhóm thủ tục: Đăng ký, khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia (1.000321)

15.1. Nội dung đơn giản hóa

- a) Chuyển đổi từ kê khai thủ công bằng bản giấy sang kê khai trên phần mềm: điện tử hóa mẫu tờ khai trên hệ thống nghiệp vụ quản lý vận tải đường bộ.
- b) Cắt giảm thời gian thực hiện từ 02 ngày xuống còn 01 ngày

Lý do: Để tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức cá nhân tham gia hoạt động vận tải quốc tế giữa Việt Nam đi các nước, tăng cường công tác quản lý của

cơ quan nhà nước đối với hoạt động vận tải quốc tế, thực hiện đúng chủ trương chỉ đạo của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên hệ thống trực tuyến. Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

15.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 62 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

15.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.660.800 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.420.800 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 240.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 14.45 %.

16. Thủ tục hoặc nhóm thủ tục: Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia (1.002877)

16.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Chuyển đổi từ kê khai thủ công bằng bản giấy sang kê khai trên phần mềm: điện tử hóa mẫu tờ khai trên hệ thống nghiệp vụ quản lý vận tải đường bộ.

b) Cắt giảm thời gian thực hiện từ 02 ngày xuống còn 01 ngày.

Lý do: Để tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức cá nhân tham gia hoạt động vận tải quốc tế giữa Việt Nam đi các nước, tăng cường công tác quản lý của cơ quan nhà nước đối với hoạt động vận tải quốc tế, thực hiện đúng chủ trương chỉ đạo của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên hệ thống trực tuyến. Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

16.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 40 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ Quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

16.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 278.880.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 239.760.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 39.120.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 14.03 %.

17. Thủ tục hoặc nhóm thủ tục: Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc (1.002334)

17.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Chuyển đổi từ kê khai thủ công bằng bản giấy sang kê khai trên phần mềm: điện tử hóa mẫu tờ khai trên hệ thống nghiệp vụ quản lý vận tải đường bộ.

b) Cắt giảm thời gian thực hiện từ 02 ngày xuống còn 01 ngày.

Lý do: Để tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức cá nhân tham gia hoạt động vận tải quốc tế giữa Việt Nam đi các nước, tăng cường công tác quản lý của cơ quan nhà nước đối với hoạt động vận tải quốc tế, thực hiện đúng chủ trương chỉ đạo của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên hệ thống trực tuyến. Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

17.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 22 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ Quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

17.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 4.608.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 3.888.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 720.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 15,63 %.

18. Thủ tục hoặc nhóm thủ tục: Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia (1.001023)

18.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Chuyển đổi từ kê khai thủ công bằng bản giấy sang kê khai trên phần mềm: điện tử hóa mẫu tờ khai trên hệ thống nghiệp vụ quản lý vận tải đường bộ.

b) Cắt giảm thời gian thực hiện từ 02 ngày xuống còn 01 ngày.

Lý do: Để tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức cá nhân tham gia hoạt động vận tải quốc tế giữa Việt Nam đi các nước, tăng cường công tác quản lý của cơ quan nhà nước đối với hoạt động vận tải quốc tế, thực hiện đúng chủ trương chỉ đạo của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên hệ thống trực tuyến. Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ

điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

18.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 59 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

18.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 828.037.500 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 658.640.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 196.397.500 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20,46 %.

19. Thủ tục hoặc nhóm thủ tục: Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới (1.010707)

19.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Chuyển đổi từ kê khai thủ công bằng bản giấy sang kê khai trên phần mềm: điện tử hóa mẫu tờ khai trên hệ thống nghiệp vụ quản lý vận tải đường bộ.

b) Cắt giảm thời gian thực hiện từ 02 ngày xuống còn 01 ngày

Lý do: Để tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức cá nhân tham gia hoạt động vận tải quốc tế giữa Việt Nam đi các nước, tăng cường công tác quản lý của cơ quan nhà nước đối với hoạt động vận tải quốc tế, thực hiện đúng chủ trương chỉ đạo của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên hệ thống trực tuyến. Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

19.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 34 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

19.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 7.440.000 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 6.240.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.200.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 16,13 %.

20. Thủ tục hoặc nhóm thủ tục: Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS (1.002046)

20.1. Nội dung đơn giản hóa

- a) Chuyển đổi từ kê khai thủ công bằng bản giấy sang kê khai trên phần mềm: điện tử hóa mẫu tờ khai trên hệ thống nghiệp vụ quản lý vận tải đường bộ.
- b) Cắt giảm thời gian thực hiện từ 02 ngày xuống còn 01 ngày

Lý do: Để tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức cá nhân tham gia hoạt động vận tải quốc tế giữa Việt Nam đi các nước, tăng cường công tác quản lý của cơ quan nhà nước đối với hoạt động vận tải quốc tế, thực hiện đúng chủ trương chỉ đạo của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên hệ thống trực tuyến. Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

20.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 39 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

20.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 744.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 624.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 120.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 16,13 %.

21. Thủ tục hoặc nhóm thủ tục: Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia (1.002286)

21.1. Nội dung đơn giản hóa

- a) Chuyển đổi từ kê khai thủ công bằng bản giấy sang kê khai trên phần mềm: điện tử hóa mẫu tờ khai trên hệ thống nghiệp vụ quản lý vận tải đường bộ.
- b) Cắt giảm thời gian thực hiện từ 02 ngày xuống còn 01 ngày

Lý do: Để tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức cá nhân tham gia hoạt động vận tải quốc tế giữa Việt Nam đi các nước, tăng cường công tác quản lý của cơ quan nhà nước đối với hoạt động vận tải quốc tế, thực hiện đúng chủ trương chỉ đạo của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên hệ thống trực tuyến. Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

21.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 42 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

21.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 744.000 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 624.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 120.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 16,13 %.

22. Thủ tục hoặc nhóm thủ tục: Giới thiệu đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại D cho phương tiện của Việt Nam (1.002381)

22.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Chuyển đổi từ kê khai thủ công bằng bản giấy sang kê khai trên phần mềm: điện tử hóa mẫu tờ khai trên hệ thống nghiệp vụ quản lý vận tải đường bộ.

b) Cắt giảm thời gian thực hiện từ 02 ngày xuống còn 01 ngày

Lý do: Để tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức cá nhân tham gia hoạt động vận tải quốc tế giữa Việt Nam đi các nước, tăng cường công tác quản lý của cơ quan nhà nước đối với hoạt động vận tải quốc tế, thực hiện đúng chủ trương chỉ đạo của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên hệ thống trực tuyến. Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

22.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 4 Điều 46 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

22.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.112.000 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.632.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 480.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 22,73 %.

23. Thủ tục hoặc nhóm thủ tục: Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại D cho phương tiện của Trung Quốc (1.002374)

23.1. Nội dung đơn giản hóa

- a) Chuyển đổi từ kê khai thủ công bằng bản giấy sang kê khai trên phần mềm: điện tử hóa mẫu tờ khai trên hệ thống nghiệp vụ quản lý vận tải đường bộ.
- b) Cắt giảm thời gian thực hiện từ 02 ngày xuống còn 01 ngày

Lý do: Để tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức cá nhân tham gia hoạt động vận tải quốc tế giữa Việt Nam đi các nước, tăng cường công tác quản lý của cơ quan nhà nước đối với hoạt động vận tải quốc tế, thực hiện đúng chủ trương chỉ đạo của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên hệ thống trực tuyến. Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

23.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 44 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

23.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 220.800.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 172.800.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 48.000.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 21,74 %/.

24. Thủ tục hoặc nhóm thủ tục: Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc (1.001737)

24.1. Nội dung đơn giản hóa

- a) Chuyển đổi từ kê khai thủ công bằng bản giấy sang kê khai trên phần mềm: điện tử hóa mẫu tờ khai trên hệ thống nghiệp vụ quản lý vận tải đường bộ.
- b) Cắt giảm thời gian thực hiện từ 02 ngày xuống còn 01 ngày

Lý do: Để tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức cá nhân tham gia hoạt động vận tải quốc tế giữa Việt Nam đi các nước, tăng cường công tác quản lý của cơ quan nhà nước đối với hoạt động vận tải quốc tế, thực hiện đúng chủ trương chỉ đạo của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên hệ thống trực tuyến. Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

24.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 21 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

24.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.976.000 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 2.496.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 480.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 16,13 %.

25. Thủ tục hoặc nhóm thủ tục: Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào (1.002063)

25.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Chuyển đổi từ kê khai thủ công bằng bản giấy sang kê khai trên phần mềm: điện tử hóa mẫu tờ khai trên hệ thống nghiệp vụ quản lý vận tải đường bộ.

b) Cắt giảm thời gian thực hiện từ 02 ngày xuống còn 01 ngày

Lý do: Để tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức cá nhân tham gia hoạt động vận tải quốc tế giữa Việt Nam đi các nước, tăng cường công tác quản lý của cơ quan nhà nước đối với hoạt động vận tải quốc tế, thực hiện đúng chủ trương chỉ đạo của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên hệ thống trực tuyến. Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

25.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 55 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

25.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15.360.000 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 12.960.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 2.400.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 15,63 %.

26. Thủ tục hoặc nhóm thủ tục: Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia (1.001577)

26.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Chuyển đổi từ kê khai thủ công bằng bản giấy sang kê khai trên phần mềm: điện tử hóa mẫu tờ khai trên hệ thống nghiệp vụ quản lý vận tải đường bộ.

b) Cắt giảm thời gian thực hiện từ 02 ngày xuống còn 01 ngày

Lý do: Để tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức cá nhân tham gia hoạt động vận tải quốc tế giữa Việt Nam đi các nước, tăng cường công tác quản lý của cơ quan nhà nước đối với hoạt động vận tải quốc tế, thực hiện đúng chủ trương chỉ đạo của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên hệ thống trực tuyến. Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

26.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 5,6 Điều 45 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

26.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.976.000 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 2.496.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 480.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 16,13 %.

27. Thủ tục hoặc nhóm thủ tục: Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia (1.002268)

27.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Chuyển đổi từ kê khai thủ công bằng bản giấy sang kê khai trên phần mềm: điện tử hóa mẫu tờ khai trên hệ thống nghiệp vụ quản lý vận tải đường bộ.

b) Cắt giảm thời gian thực hiện từ 02 ngày xuống còn 01 ngày

Lý do: Để tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức cá nhân tham gia hoạt động vận tải quốc tế giữa Việt Nam đi các nước, tăng cường công tác quản lý của cơ quan nhà nước đối với hoạt động vận tải quốc tế, thực hiện đúng chủ trương chỉ đạo của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên hệ thống trực tuyến. Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

27.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 43 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

27.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.622.400 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.382.400 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 240.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 14,79 %.

28. Thủ tục hoặc nhóm thủ tục: Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào (1.002861)

28.1. Nội dung đơn giản hóa

- a) Chuyển đổi từ kê khai thủ công bằng bản giấy sang kê khai trên phần mềm: điện tử hóa mẫu tờ khai trên hệ thống nghiệp vụ quản lý vận tải đường bộ.
- b) Cắt giảm thời gian thực hiện từ 02 ngày xuống còn 01 ngày

Lý do: Để tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức cá nhân tham gia hoạt động vận tải quốc tế giữa Việt Nam đi các nước, tăng cường công tác quản lý của cơ quan nhà nước đối với hoạt động vận tải quốc tế, thực hiện đúng chủ trương chỉ đạo của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên hệ thống trực tuyến. Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

28.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 51 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

28.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 81.695.640 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 56.736.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 24.959.640 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30,55 %.

29. Thủ tục hoặc nhóm thủ tục: Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào (1.002856)

29.1. Nội dung đơn giản hóa

- a) Chuyển đổi từ kê khai thủ công bằng bản giấy sang kê khai trên phần mềm: điện tử hóa mẫu tờ khai trên hệ thống nghiệp vụ quản lý vận tải đường bộ.
- b) Cắt giảm thời gian thực hiện từ 02 ngày xuống còn 01 ngày

Lý do: Để tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức cá nhân tham gia hoạt động vận tải quốc tế giữa Việt Nam đi các nước, tăng cường công tác quản lý của cơ quan nhà nước đối với hoạt động vận tải quốc tế, thực hiện đúng chủ trương chỉ đạo của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên hệ thống trực tuyến. Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

29.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 53 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

29.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 3.489.600.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 3.225.600.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 264.000.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 7,57 %.

30. Thủ tục hoặc nhóm thủ tục: Công bố đưa bến xe khách vào khai thác (1.000660)

30.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Cắt giảm thời gian thực hiện từ 15 ngày xuống còn 08 ngày

Lý do: Để tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức cá nhân tham gia hoạt động vận tải quốc tế giữa Việt Nam đi các nước, tăng cường công tác quản lý của cơ quan nhà nước đối với hoạt động vận tải quốc tế, thực hiện đúng chủ trương chỉ đạo của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên hệ thống trực tuyến. Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

30.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung điểm a, b khoản 3, Điều 38 Thông tư 39/2024/TT-BGTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

30.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 5.733.000 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 5.733.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

31. Thủ tục hoặc nhóm thủ tục: Chấp thuận vị trí nút giao đầu nối tạm vào đường bộ đang khai thác (mã TTHC: 1.000314)

32.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Đơn giản hóa mẫu đơn: tại nội dung cam kết theo Mẫu số 03 Phụ lục VI Nghị định số 165/2024/NĐ-CP, điều chỉnh lại như sau: “...(ghi tổ chức, cá nhân làm đơn) cam kết trong quá trình thực hiện theo đúng giấy phép được cấp và theo quy định của pháp luật.”

b) Đơn giản hóa thành phần hồ sơ: điểm d khoản 4 Điều 31 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP: bỏ nội dung văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư và hợp đồng thi công xây dựng, điều chỉnh lại như sau: “b) Quyết định phê duyệt dự án (đối với trường hợp dự án) hoặc văn bản cho phép khai thác mỏ”

c) Rút ngắn thời gian giải quyết TTHC: Điều chỉnh giảm thời gian giải quyết TTHC từ 07 ngày còn 05 ngày

Lý do: Đơn giản hóa các nội dung trong mẫu đơn, thay đổi phương thức quản lý của cơ quan nhà nước, rút ngắn thời gian chuẩn bị hồ sơ. Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

31.2. Kiến nghị thực thi

- Kiến nghị sửa đổi điểm b khoản 4, điểm c khoản 5 Điều 31 và Mẫu số 03 Phụ lục VI Nghị định số 165/2024/NĐ-CP
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

31.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 132.275.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 112.275.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 20.000.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 15,12 %.

32. Thủ tục hoặc nhóm thủ tục: Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác (mã TTHC: 1.013274)

32.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Đơn giản hóa mẫu đơn: tại nội dung cam kết theo Mẫu số 01 Phụ lục IV Nghị định số 165/2024/NĐ-CP, bỏ các nội dung từ 1 đến 6 và điều chỉnh lại như sau:

“Đơn vị, cá nhân, tổ chức ... (ghi tên sự kiện) xin cam kết trong quá trình thực hiện theo đúng giấy phép được cấp và theo quy định của pháp luật.”

b) Rút ngắn thời gian giải quyết TTHC: Điều chỉnh giảm thời gian giải quyết TTHC (đối với các trường hợp khác) từ 05 ngày còn 03 ngày

Lý do: Đơn giản hóa thành phần hồ sơ, thay đổi phương thức quản lý của cơ quan nhà nước, rút ngắn thời gian chuẩn bị hồ sơ. Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

32.2. Kiến nghị thực thi

- Kiến nghị sửa đổi điểm c khoản 6 Điều 21 và Mẫu số 01 Phụ lục IV Nghị định số 165/2024/NĐ-CP

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

32.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 25.293.750 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 18.418.750 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 6.875.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 27,18 %./.

33. Thủ tục hoặc nhóm thủ tục: Cấp Chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ (1.001692)

33.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 15 ngày làm việc còn 12 ngày làm việc.

Lý do: Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

33.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

33.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 683.500 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 683.500 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %./.

34. Thủ tục hoặc nhóm thủ tục: Cấp lại chứng chỉ Thăm tra viên an toàn giao thông đường bộ (1001717)

34.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Bãi bỏ thủ tục cấp lại chứng chỉ thăm tra viên ATGT ĐB

Lý do: Chứng chỉ được trả kết quả bằng bản điện tử và bản giấy.

34.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

34.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 255.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 255.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %./.

III. Lĩnh vực hàng hải và đường thủy

1. Thủ tục hành chính: Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải (Mã số TTHC: 1.004850)

1.1. Nội dung đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa:

a) Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 15 ngày làm việc xuống 10 ngày làm việc.

b) Đơn giản hóa hồ sơ:

Chuyển thành phần hồ sơ phải nộp là “*Bản sao có chứng thực hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính để đối chiếu quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở đào tạo, huấn luyện*” thành “*Bản sao hoặc bản sao điện tử quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở đào tạo, huấn luyện*”

Lý do: Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay; đồng thời giảm chi phí, thời gian chuẩn bị hồ sơ cho doanh nghiệp.

1.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 7 Nghị định 29/2017/NĐ-CP ngày 20/3/2017 được sửa đổi bổ sung tại khoản 2 Điều 3 Nghị định 74/2023/NĐ-CP ngày 11/10/2023.

- Lộ trình thực hiện: 2025.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1,263,900 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 863,900 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 401,000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 31,6%.

2. Thủ tục hành chính: Công bố mở cảng cạn và công bố mở cảng cạn đối với điểm thông quan hàng hóa đã có chủ trương chuyển thành cảng cạn (Mã số TTHC: 1.004284)

2.1. Nội dung đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa:

a) Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 8 ngày làm việc xuống 6 ngày làm việc.

b) Đơn giản hóa hồ sơ TTHC:

Chuyển thành phần hồ sơ phải nộp là “*Bản sao có chứng thực: quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng cảng cạn được cấp có thẩm quyền phê duyệt*”

theo quy định của pháp luật; các giấy tờ hợp pháp chứng minh về quyền sử dụng đất theo quy định; quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án theo quy định; Văn bản nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy theo quy định” thành “Bản sao hoặc bản sao điện: quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng cảng cạn được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật; các giấy tờ hợp pháp chứng minh về quyền sử dụng đất theo quy định; quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án theo quy định; Văn bản nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy theo quy định”

Lý do: Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay; đồng thời giảm chi phí, thời gian chuẩn bị hồ sơ cho doanh nghiệp.

2.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa khoản 1 Điều 20 Nghị định số 38/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017.
- Lộ trình thực hiện: 2025.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2,956,000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1,540,000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1,416,000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 47,9%.

3. Thủ tục hành chính: Tạm dừng hoạt động, đóng cảng cạn (Mã số TTHC: 1.004280)

3.1. Nội dung đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ TTHC “Tạm dừng hoạt động, đóng cảng cạn”

Lý do: Đổi mới phương thức quản lý của cơ quan nhà nước, tạo sự chủ động cho doanh nghiệp.

3.2. Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ khoản 3 Điều 22 Nghị định số 38/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Nghị định 74/2023/NĐ-CP ngày 11/10/2023.

- Lộ trình thực hiện: 2025.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 452,000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 452,000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %.

4. Thủ tục hành chính Công bố mở cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi (Mã số TTHC: 1.004166)

4.1. Nội dung đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa:

a) Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 10 ngày làm việc xuống 8 ngày làm việc.

b) Đơn giản hóa hồ sơ TTHC:

Chuyển thành phần hồ sơ phải nộp là “*Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính quyết định phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đối với cảng dầu khí ngoài khơi.*” thành “*Bản sao hoặc bản sao điện tử quyết định phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đối với cảng dầu khí ngoài khơi.*”

Lý do: Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay; đồng thời giảm chi phí, thời gian chuẩn bị hồ sơ cho doanh nghiệp.

4.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi điểm đ khoản 1 Nghị định 58/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1, Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025.

- Lộ trình thực hiện: 2025.

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 3,350,000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 2,150,000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1,200,000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 35,8%.

5. Thủ tục hành chính: Công bố đóng cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi (Mã số TTHC: 1.004147)

5.1. Nội dung đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa:

Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 5 ngày làm việc xuống 3 ngày làm việc.

Lý do: Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

5.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa khoản 2 Điều 16 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 được sửa đổi bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định 34/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025.
- Lộ trình thực hiện: 2025.

5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 815,000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 815,000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

6. Thủ tục hành chính: Công bố đóng bến cảng, cầu cảng, bến phao và khu nước, vùng nước (Mã số TTHC: 1.004142)

6.1. Nội dung đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ TTHC Công bố đóng bến cảng, cầu cảng, bến phao và khu nước, vùng nước

Lý do: Đổi mới phương thức quản lý của cơ quan nhà nước, tạo sự chủ động cho doanh nghiệp.

6.2. Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ khoản 2 Điều 17 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 (đã được sửa đổi bổ sung tại khoản 11 Điều 4 Nghị định 69/2022/NĐ-CP ngày 23/9/2022).
- Lộ trình thực hiện: 2025.

6.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2,605,000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 2,605,000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %.

7. Thủ tục hành chính Đề nghị thiết lập kết cấu hạ tầng cảng biển tạm thời (Mã số TTHC: 1.004134)

7.1. Nội dung đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ TTHC Đề nghị thiết lập kết cấu hạ tầng cảng biển tạm thời

Lý do: Đổi mới phương thức quản lý của cơ quan nhà nước, tạo sự chủ động cho doanh nghiệp.

7.2. Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ Điều 25 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 9 Điều 4 Nghị định 69/2022/NĐ-CP ngày 23/9/2022.
- Lộ trình thực hiện: 2025.

7.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 43,640,000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 43,640,000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %.

8. Thủ tục hành chính: Chấp thuận đặt tên tàu biển (Mã số TTHC: 1.002763)

8.1. Nội dung đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ TTHC Chấp thuận đặt tên tàu biển

Lý do: Đổi mới phương thức quản lý của cơ quan nhà nước, tạo sự chủ động cho doanh nghiệp.

8.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 2 Điều 8 Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Nghị định 86/2020/NĐ-CP ngày 23/7/2020.

- Lộ trình thực hiện: 2025.

8.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 86,035,000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 86,035,000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

9. Thủ tục hành chính: Đăng ký tàu biển không thời hạn (Mã số TTHC: 1.002687)

9.1. Nội dung đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ thành phần hồ sơ: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu).

Lý do: Trong quá trình chuyển đổi số dữ liệu Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã được tích hợp trên hệ thống dữ liệu chuyên ngành về đăng ký doanh nghiệp. Việc cắt giảm hồ sơ nhằm giảm chi phí tuân thủ TTHC, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.

9.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 2 Điều 9 Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 86/2020/NĐ-CP ngày 23/7/2020.

- Lộ trình thực hiện: 2025.

9.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2,043,688,020 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1,810,188,020 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 233,500,000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 11,4 %.

10. Thủ tục hành chính: Đăng ký tàu biển có thời hạn (Mã số TTHC: 1.002674)

10.1. Nội dung đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ thành phần hồ sơ: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu).

Lý do: Trong quá trình chuyển đổi số dữ liệu Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã được tích hợp trên hệ thống dữ liệu chuyên ngành về đăng ký doanh nghiệp. Việc cắt giảm hồ sơ nhằm giảm chi phí tuân thủ TTHC, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.

10.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 2 Điều 10 Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 86/2020/NĐ-CP ngày 23/7/2020.

- Lộ trình thực hiện: 2025.

10.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 314,625,000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 254,025,000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 60,600,000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 19,2 %.

11. Thủ tục hành chính: Cấp Giấy phép tạm thời cho tàu biển mang cờ quốc tịch Việt Nam (Mã số TTHC: 1.002656)

11.1. Nội dung đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ thành phần hồ sơ: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu).

Lý do: Trong quá trình chuyển đổi số dữ liệu Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã được tích hợp trên hệ thống dữ liệu chuyên ngành về đăng ký

doanh nghiệp. Việc cắt giảm hồ sơ nhằm giảm chi phí tuân thủ TTHC, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.

11.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 2 Điều 12 Nghị định 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016.
- Lộ trình thực hiện: 2025.

11.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 7,760,900 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 5,150,000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 2,610,900 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,6 %.

12. Thủ tục hành chính: Đăng ký tàu biển tạm thời (Mã số TTHC: 1.002645)

12.1. Nội dung đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ thành phần hồ sơ: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu).

Lý do: Trong quá trình chuyển đổi số dữ liệu Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã được tích hợp trên hệ thống dữ liệu chuyên ngành về đăng ký doanh nghiệp. Việc cắt giảm hồ sơ nhằm giảm chi phí tuân thủ TTHC, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.

12.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 2 Điều 11 Nghị định 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 86/2020/NĐ-CP ngày 23/7/2020.

- Lộ trình thực hiện: 2025.

12.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 26,134,400,000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 23,034,000,000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 3,100,400,000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 11,8 %.

13. Thủ tục hành chính: Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển (Mã số TTHC: 1.002582)

13.1. Nội dung đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa:

Bỏ thành phần hồ sơ “Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển đối với trường hợp bị rách nát, hư hỏng.”

Lý do: Trong quá trình chuyển đổi số dữ liệu Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển đã được tích hợp trên hệ thống dữ liệu chuyên ngành về tàu biển và thuyền viên. Việc cắt giảm hồ sơ nhằm giảm chi phí tuân thủ TTHC, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.

13.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 2 Điều 16 Nghị định 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016.
- Lộ trình thực hiện: 2025.

13.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 162,205,000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 112,105,000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 50,100,000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30,8 %.

14. Thủ tục hành chính: Đăng ký tàu biển đang đóng (Mã số TTHC: 1.002578)

14.1. Nội dung đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ thành phần hồ sơ: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu).

Lý do: Trong quá trình chuyển đổi số dữ liệu Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã được tích hợp trên hệ thống dữ liệu chuyên ngành về đăng ký doanh nghiệp. Việc cắt giảm hồ sơ nhằm giảm chi phí tuân thủ TTHC, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.

14.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 2 Điều 13 Nghị định 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 86/2020/NĐ-CP ngày 23/7/2020.

- Lộ trình thực hiện: 2025.

14.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 267,712,000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 207,512,000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 60,200,000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 22,4 %.

15. Thủ tục hành chính: Đổi tên cảng cạn (Mã số TTHC: 1.001870)

15.1. Nội dung đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ TTHC Đổi tên cảng cạn

Lý do: Đổi mới phương thức quản lý của cơ quan nhà nước, tạo sự chủ động cho doanh nghiệp.

h cho người dân, doanh nghiệp.

15.2. Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ Điều 24 Nghị định số 38/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017.
- Lộ trình thực hiện: 2025.

15.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 750,000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 750,000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %.

16. Thủ tục hành chính: Đưa báo hiệu hàng hải vào sử dụng (Mã số TTHC: 1.002249)

16.1. Nội dung đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ TTHC Đưa báo hiệu hàng hải vào sử dụng

Lý do: Đổi mới phương thức quản lý của cơ quan nhà nước, tạo sự chủ động cho doanh nghiệp.

16.2. Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ khoản 5 Điều 25 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 9 Điều 4 Nghị định 69/2022/NĐ-CP ngày 23/9/2022.
- Lộ trình thực hiện: 2025.

16.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 13,150,000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 13,150,000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %.

17. Thủ tục hành chính: Thỏa thuận vị trí, thông số kỹ thuật chi tiết cảng biển, bến cảng, cầu cảng, luồng hàng hải (Mã số TTHC: 1.001889)

17.1. Nội dung đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa:

a) Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 10 ngày làm việc xuống 7 ngày làm việc.

b) Đơn giản hóa hồ sơ TTHC:

Chuyển thành phần hồ sơ phải nộp là “*Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính: giấy tờ pháp lý về khu đất nghiên cứu dự án (cụ thể tọa độ biên khu đất); ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về phòng cháy chữa cháy đối với các công trình có yêu cầu riêng về khoảng cách an toàn phòng cháy chữa cháy với công trình liền kề*” thành “*Bản sao hoặc bản sao điện: giấy tờ pháp lý về khu đất nghiên cứu dự án (cụ thể tọa độ biên khu đất); ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về phòng cháy chữa cháy đối với các công trình có yêu cầu riêng về khoảng cách an toàn phòng cháy chữa cháy với công trình liền kề*”

Lý do: Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay; đồng thời giảm chi phí, thời gian chuẩn bị hồ sơ cho doanh nghiệp.

17.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 1, khoản 4 Điều 6 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 được sửa đổi bổ sung tại khoản 1 Điều 4 Nghị định 69/2022/NĐ-CP ngày 23/9/2022.

- Lộ trình thực hiện: 2025.

17.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 23,150,000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 17,300,000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 5,850,000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 25,2 %.

18. Thủ tục hành chính: Chuyển đổi điểm thông quan hàng hóa xuất, nhập khẩu thành cảng cạn (Mã số TTHC: 1.001857)

18.1. Nội dung đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa:

Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 8 ngày làm việc xuống 5 ngày làm việc.

Lý do: Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng

Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

18.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 2 Điều 18 Nghị định số 38/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017
- Lộ trình thực hiện: 2025.

18.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1,028,300 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1,028,300 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

19. Thủ tục hành chính Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu pháo hiệu hàng hải (Mã số TTHC: 1.001223)

19.1. Nội dung đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa:

- a) Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 12 ngày xuống còn 9 ngày;
- b) Phân cấp “Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu pháo hiệu hàng hải” từ Bộ Xây dựng về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện giải quyết.

Lý do: Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay; đồng thời để thực hiện chủ trương phân cấp, phân quyền để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

19.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 2 Điều 23 Nghị định số 70/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016.
- Lộ trình thực hiện: 2025.

19.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1,515,000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1,015,000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 500,000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33 %.

20. Thủ tục hành chính: Phê duyệt phương án phá dỡ tàu biển (Mã số TTHC: 1.000892)

20.1. Nội dung đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa:

- a) Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày xuống còn 7 ngày.
- a) Phân cấp TTHC “Phê duyệt phương án phá dỡ tàu biển” từ Cảng vụ hàng hải về ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Lý do: Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay; đồng thời để thực hiện chủ trương phân cấp, phân quyền để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

20.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 3 Điều 14 Nghị định 82/2019/NĐ-CP ngày 12/11/2019
- Lộ trình thực hiện: 2025.

20.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 5,020,100 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 3,550,000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1,470,100 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 29,3 %.

21. Thủ tục hành chính Đăng ký nội dung thay đổi thông tin ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển (Mã số TTHC: 1.000274)

21.1. Nội dung đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa:

- Đơn giản hóa thành phần hồ sơ: Bỏ thành phần hồ sơ “Bản chính giấy chứng nhận đăng ký tàu biển đã cấp hoặc bản chính giấy chứng nhận xóa đăng ký trong trường hợp chuyển cơ quan đăng ký”

Lý do: Trong quá trình chuyển đổi số dữ liệu Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển đã được tích hợp trên hệ thống dữ liệu chuyên ngành về tàu biển và thuyền viên. Việc cắt giảm hồ sơ nhằm giảm chi phí tuân thủ TTHC, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.

21.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 2 Điều 15 Nghị định 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016
- Lộ trình thực hiện: 2025.

21.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1,690,997,500 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1,470,997,500 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 220,000,000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13%.

22. Thủ tục hành chính Công bố thông báo hàng hải định kỳ về các thông số kỹ thuật của luồng hàng hải, vùng nước trước cầu cảng và các khu nước, vùng nước đối với luồng hàng hải chuyên dùng, vùng nước trước cầu cảng và khu chuyển tải chuyên dùng được công bố định kỳ (Mã số TTHC: 1.004106)

22.1. Nội dung đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa:

- a) Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 5 ngày xuống còn 3 ngày.
- b) Cung cấp dịch vụ công trực tuyến

Lý do: Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay; đồng thời để giảm chi phí tuân thủ, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính.

22.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 2 Điều 50 Nghị định 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017.
- Lộ trình thực hiện: 2025.

22.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 170,450,200 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 120,150,000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 50,300,200 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 29,5 %.

23. Thủ tục hành chính: Công bố thông báo hàng hải lần đầu về các thông số kỹ thuật của luồng hàng hải, vùng nước trước cầu cảng và các khu nước, vùng nước sau khi xây dựng, nạo vét duy tu, cải tạo, nâng cấp (Mã số TTHC: 1.004077)

23.1. Nội dung đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa:

- a) Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 5 ngày xuống còn 3 ngày.
- b) Cung cấp dịch vụ công trực tuyến

Lý do: Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay; đồng thời để giảm chi phí tuân thủ, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính.

23.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 2 Điều 51 Nghị định 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017.
- Lộ trình thực hiện: 2025.

23.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 70,800,500 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 41,100,000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 29,700,500 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 41,9%.

24. Thủ tục hành chính Công bố thông báo hàng hải về khu vực thi công công trình trên biển hoặc trên luồng hàng hải (Mã số TTHC: 1.004058)

24.1. Nội dung đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa:

- a) Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 5 ngày xuống còn 3 ngày.
- b) Cung cấp dịch vụ công trực tuyến

Lý do: Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay; đồng thời để giảm chi phí tuân thủ, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính.

24.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 2 Điều 52 Nghị định 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017.
- Lộ trình thực hiện: 2025.

24.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 12,200,000 đồng/năm thực hiện.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 7,900,000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 4,300,000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 35,2 %.

25. Thủ tục hành chính: Công bố thông báo hàng hải về công trình ngầm, công trình vượt qua luồng hàng hải (Mã số TTHC: 1.004066)

25.1. Nội dung đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa:

- a) Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 5 ngày xuống còn 3 ngày.
- b) Cung cấp dịch vụ công trực tuyến

Lý do: Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay; đồng thời để giảm chi phí tuân thủ, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính.

25.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 2 Điều 53 Nghị định 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017.
- Lộ trình thực hiện: 2025.

25.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 11,550,000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 7,950,000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 3,600,000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 3,1%.

26. Thủ tục hành chính Công bố thông báo hàng hải về thiết lập mới báo hiệu hàng hải (Mã số TTHC: 1.004291)

26.1. Nội dung đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 5 ngày xuống còn 3 ngày.
- Cung cấp dịch vụ công trực tuyến

Lý do: Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay; đồng thời để giảm chi phí tuân thủ, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính.

26.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 2 Điều 48 Nghị định 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017.
- Lộ trình thực hiện: 2025.

26.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 28,890,450 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 22,190,450 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 6,700,000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 23,1 %.

27. Thủ tục hành chính: Chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn (Mã số TTHC: 1.013466)

29.1. Nội dung đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 40 ngày xuống còn 30 ngày.
- Cung cấp dịch vụ công trực tuyến
- Phân cấp TTHC “Chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn” từ Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Lý do: Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù

hợp trong giai đoạn hiện nay; đồng thời để thực hiện chủ trương phân cấp, phân quyền để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, giảm chi phí tuân thủ, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính.

27.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 105a Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025.
- Lộ trình thực hiện: 2025.

27.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2,570,000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1,844,660 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 725,340 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 28,2%.

28. Thủ tục hành chính: Phê duyệt Phương án đưa tàu lặn vào hoạt động (Mã số TTHC: 1.013467)

28.1. Nội dung đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa:

- a) Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 17 ngày xuống còn 10 ngày.
- b) Cung cấp dịch vụ công trực tuyến
- c) Phân cấp TTHC “Phê duyệt Phương án đưa tàu lặn vào hoạt động” từ Cảng vụ hàng hải về Sở Xây dựng

Lý do: Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay; đồng thời để thực hiện chủ trương phân cấp, phân quyền để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, giảm chi phí tuân thủ, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính.

28.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 105d Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025.
- Lộ trình thực hiện: 2025.

28.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 5,350,100 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 3,860,100 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1,490,000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 27,8%.

29. Thủ tục hành chính: Chấm dứt hoạt động tàu lặn (Mã số TTHC: 1.013468)

29.1. Nội dung đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa:

- a) Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 3 ngày xuống còn 2 ngày.
- b) Cung cấp dịch vụ công trực tuyến
- c) Phân cấp TTHC “Chấm dứt hoạt động tàu lặn” từ Cảng vụ hàng hải về Sở Xây dựng.

Lý do: Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay; đồng thời để thực hiện chủ trương phân cấp, phân quyền để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, giảm chi phí tuân thủ, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính.

29.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 105b Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025.
- Lộ trình thực hiện: 2025.

29.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 935,150 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 605,100 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 330,050 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 35,3 %.

30. Thủ tục hành chính: Gia hạn hoạt động của kết cấu hạ tầng cảng biển tạm thời (Mã số TTHC: 1.002236)

30.1. Nội dung đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ TTHC Gia hạn hoạt động của kết cấu hạ tầng cảng biển tạm thời

Lý do: Đổi mới phương thức quản lý của cơ quan nhà nước, tạo sự chủ động cho doanh nghiệp.

30.2. Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ Điều 25 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 (đã được sửa đổi bổ sung tại khoản 11 Điều 4 Nghị định 69/2022/NĐ-CP ngày 23/9/2022).
- Lộ trình thực hiện: 2025.

30.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 18,250,000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 18,250,000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %.

31. Thủ tục hành chính Chấp thuận đề xuất thực hiện nạo vét đường thủy nội địa địa phương (Mã số TTHC: 2.002624)

31.1. Nội dung đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa:

- a) Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày xuống còn 10 ngày.
- b) Cung cấp dịch vụ công trực tuyến

Lý do: Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay; đồng thời giảm chi phí, thời gian chuẩn bị hồ sơ cho doanh nghiệp.

31.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 1 Điều 21 Nghị định số 57/2024/NĐ-CP ngày 20/5/2024.
- Lộ trình thực hiện: 2025.

31.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 23,500,200 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 16,150,200 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 7,350,000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 31,2%.

32. Thủ tục hành chính: Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa (Mã số TTHC: 2.002001)

32.1. Nội dung đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa:

- a) Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày làm việc xuống còn 7 ngày làm việc.

b) Phân cấp TTHC “Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa” từ cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng sang Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Lý do: Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay; đồng thời để thực hiện chủ trương phân cấp, phân quyền để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

32.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 11 Nghị định 78/2016//NĐ-CP ngày 01/7/2016.
- Lộ trình thực hiện: 2025.

32.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 87,030,600 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 65.480.600 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 21,550,000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 24,7 %.

33. Thủ tục hành chính: Chấp thuận hoạt động khảo sát, thăm dò, xây dựng công trình, thiết lập vành đai an toàn của công trình hoặc các hoạt động khác trên tuyến hàng hải trong lãnh hải Việt Nam (Mã số TTHC: 3.000188)

33.1. Nội dung đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa:

Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 15 ngày làm việc xuống 10 ngày làm việc

Lý do: Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

33.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 10 Nghị định số 16/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018
- Lộ trình thực hiện: 2025.

33.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 7,250,000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 7,250,000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

34. Thủ tục hành chính Chấp thuận đề xuất thực hiện nạo vét luồng hàng hải, đường thủy nội địa quốc gia (Mã số TTHC: 2.002623)

34.1. Nội dung đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa:

- a) Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày xuống còn 10 ngày.
- b) Cung cấp dịch vụ công trực tuyến

Lý do: Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay; đồng thời giảm chi phí, thời gian chuẩn bị hồ sơ cho doanh nghiệp.

34.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 1 Điều 20 Nghị định số 57/2024/NĐ-CP ngày 20/5/2024.

- Lộ trình thực hiện: 2025.

34.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 9,200,500 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 6,050,000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 3,15,500 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 34,2 %.

35. Thủ tục hành chính: Công bố khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ (Mã số TTHC: 2.002625)

35.1. Nội dung đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa:

- a) Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 30 ngày xuống còn 15 ngày.
- b) Cung cấp dịch vụ công trực tuyến

Lý do: Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay; đồng thời giảm chi phí, thời gian chuẩn bị hồ sơ cho doanh nghiệp.

35.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 7 Nghị định số 57/2024/NĐ-CP ngày 20/5/2024.
- Lộ trình thực hiện: 2025.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 21,650,100 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 14,905,100 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 6,745,000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 31 %.

36. Thủ tục hành chính: Phê duyệt Phương án Bảo đảm an toàn hàng hải (Mã số TTHC: 2.001865)

36.1. Nội dung đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa:

- a) Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 7 ngày xuống còn 5 ngày.
- b) Cung cấp dịch vụ công trực tuyến

Lý do: Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay; đồng thời giảm chi phí, thời gian chuẩn bị hồ sơ cho doanh nghiệp.

36.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 8 Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025.

- Lộ trình thực hiện: 2025.

36.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 32,250,500 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 23,450,100 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 8,800,400 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 27,2%.

37. Thủ tục hành chính: Đổi tên cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao và khu nước, vùng nước, cảng dầu khí ngoài khơi đã được công bố (Mã số TTHC: 1.003253)

37.1. Nội dung đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa: Bãi bỏ thủ tục hành chính

Lý do: Việc bãi bỏ thủ tục hành chính là nhằm giảm bớt giấy tờ, thời gian, chi phí thực hiện thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp.

37.2. Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ khoản 3 Điều 10 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017.
- Lộ trình thực hiện: 2025.

37.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 5,350,100 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 5,350,100 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %.

38. Thủ tục hành chính Đăng ký tàu biển loại nhỏ (Mã số TTHC: 1.002550)

38.1. Nội dung đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa:

Đơn giản thành phần hồ sơ: Bỏ thành phần hồ sơ: “Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu”

Lý do: Trong quá trình chuyển đổi số dữ liệu Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã được tích hợp trên hệ thống dữ liệu chuyên ngành về đăng ký doanh nghiệp. Việc cắt giảm hồ sơ nhằm giảm chi phí tuân thủ TTHC, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.

38.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 2 Điều 14 Nghị định 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Nghị định 86/2020/NĐ-CP ngày 23/7/2020.

- Lộ trình thực hiện: 2025.

38.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 60,212,000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 52,700,000 đồng/năm..
- Chi phí tiết kiệm: 7,512,000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12,4%.

39. Thủ tục hành chính Xóa đăng ký (Mã số TTHC: 1.002508)

39.1. Nội dung đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa:

Bỏ thành phần hồ sơ: “Giấy chứng nhận đăng ký (bản chính)”

Lý do: Trong quá trình chuyển đổi số dữ liệu Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển đã được tích hợp trên hệ thống dữ liệu chuyên ngành về tàu biển và thuyền viên. Việc cắt giảm hồ sơ nhằm giảm chi phí tuân thủ TTHC, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.

39.2. Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ điểm b khoản 2 Điều 20 Nghị định số 171/2016/NĐ-CP.
- Lộ trình thực hiện: 2025.

39.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 20,120,000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 15,820,000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 4,300,000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 21,3 %.

40. Thủ tục hành chính: Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển (Mã số TTHC: 1.001830)

40.1. Nội dung đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ TTHC Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển

Lý do: Đổi mới phương thức quản lý của cơ quan nhà nước, tạo sự chủ động cho doanh nghiệp.

40.2. Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ Điều 11 Nghị định số 37/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2, khoản 3 Điều 2 Nghị định 69/2022/NĐ-CP ngày 23/9/2022.

- Lộ trình thực hiện: 2025.

40.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15,238,240 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 15,238,240 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %.

41. Thủ tục hành chính: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển (Mã số TTHC: 1.001810)

41.1. Nội dung đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ TTHC Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác

Lý do: Đổi mới phương thức quản lý của cơ quan nhà nước, tạo sự chủ động cho doanh nghiệp.

41.2. Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Nghị định số 37/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 về điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển được sửa đổi bổ sung bởi Điều 5 Nghị định 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018.

- Lộ trình thực hiện : năm 2025.

41.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 28,500,100 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 38,500,100 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

42. Thủ tục hành chính: Chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ, nhận chìm ở biển (Mã số TTHC: 2.001802)

42.1. Nội dung đơn giản hóa:

Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 30 ngày làm việc xuống 15 ngày làm việc.

Lý do: Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

42.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Nghị định: Điều 7 Nghị định số 57/2024/NĐ-CP ngày 20/5/2024 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

42.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 10,350,100 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 10,350,100 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

43. Thủ tục hành chính: Phê duyệt phương án trực vớt tài sản chìm đắm (Mã số TTHC: 1.002771)

43.1. Nội dung đơn giản hóa:

Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 10 ngày làm việc xuống 7 ngày làm việc.

Lý do: Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

43.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Nghị định: Điều 9 Nghị định số 05/2017/NĐ-CP ngày 16/01/2017 của Chính phủ quy định về xử lý tài sản chìm đắm trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển và vùng biển Việt Nam.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

43.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 9.670.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 9.670.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

44. Thủ tục hành chính: Phê duyệt kế hoạch an ninh và cấp giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài (Mã số TTHC: 1.003570)

44.1. Nội dung đơn giản hóa:

Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 10 ngày làm việc xuống 5 ngày làm việc.

Lý do: Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

44.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Nghị định: Điều 43 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

44.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 36.151.800 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 36.151.800 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

45. Thủ tục hành chính: Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa (Mã số TTHC: 1.003658)

45.1. Nội dung đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ TTHC Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa

Lý do: Đổi mới phương thức quản lý của cơ quan nhà nước, tạo sự chủ động cho doanh nghiệp.

45.2. Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Điều 20 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa (Đã được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Nghị định 06/2024/NĐ-CP ngày 10/3/2024).

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

45.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 10.112.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 10.112.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

46. Thủ tục hành chính: Thủ tục Cấp Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ (Mã số TTHC: 2.000378)

46.1. Nội dung đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa:

Phân cấp TTHC “Cấp Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ” từ Bộ Xây dựng sang Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Lý do: Thực hiện chủ trương phân cấp, phân quyền để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

46.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 19 Nghị định số 82/2019/NĐ-CP ngày 12/11/2019

- Lộ trình thực hiện: 2025.

46.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 11,890,000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 7,480,600 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 4,410,000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 37,1 %.

47 Thủ tục hành chính: Tàu biển vào cảng dầu khí ngoài khơi và hoạt động trong vùng biển Việt Nam (Mã số TTHC: 1.002349)

47.1. Nội dung đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa:

Sửa đổi các quy định về các giấy tờ doanh nghiệp phải xuất trình khi thực hiện thủ tục hành chính

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp khi thực hiện TTHC.

47.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 91 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam.
- Lộ trình thực hiện: 2025.

47.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 172,744,225,000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 111,230,600,000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 61,513,625,000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 35,6 %.

48. Thủ tục hành chính: Tàu biển rời cảng dầu khí ngoài khơi và hoạt động trong vùng biển Việt Nam (Mã số TTHC: 1.004332)

48.1. Nội dung đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa:

Sửa đổi các quy định về các giấy tờ doanh nghiệp phải xuất trình khi thực hiện thủ tục hành chính

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp khi thực hiện TTHC.

48.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 91 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam.
- Lộ trình thực hiện: 2025.

48.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 160,535,676,379 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 118,942,024,379 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 41,593,625,000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 26 %.

49. Thủ tục hành chính: Thủ tục điện tử đối với phương tiện thủy nội địa Việt Nam, Campuchia xuất cảnh rời cảng thủy nội địa Việt Nam (Mã số TTHC: 1.009441)

49.1. Nội dung đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa:

Sửa đổi các quy định về các giấy tờ doanh nghiệp phải xuất trình khi thực hiện thủ tục hành chính

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp khi thực hiện TTHC.

49.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 57 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021.
- Lộ trình thực hiện: 2025.

49.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 182,375,000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 127,992,000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 54,453,375 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 29,8 %.

50. Thủ tục hành chính: Thủ tục điện tử đối với phương tiện thủy nội địa Việt Nam, Campuchia nhập cảnh vào cảng thủy nội địa Việt Nam (Mã số TTHC: 1.009440)

50.1. Nội dung đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa:

Sửa đổi các quy định về các giấy tờ doanh nghiệp phải xuất trình khi thực hiện thủ tục hành chính

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp khi thực hiện TTHC.

50.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 56 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021.
- Lộ trình thực hiện: 2025.

50.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 198,314,000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 136,663,000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 61,651,000, đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 31,1%.

51. Thủ tục hành chính: quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động (Mã số TTHC: 21.000940)

51.1. Nội dung đơn giản hóa:

a) Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 5 ngày làm việc xuống còn 3 ngày làm việc.

b) Phân cấp TTHC “quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động” từ cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng sang Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Lý do: Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay; đồng thời để thực hiện chủ trương phân cấp, phân quyền để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

51.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 9 Nghị định 82/2019/NĐ-CP ngày 12/11/2019
- Lộ trình thực hiện: 2025.

51.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2,020,100 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1,550,000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 470,000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 23,3 %.

52. Thủ tục hành chính: quyết định lại đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động (Mã số TTHC: 1.007949)

52.1. Nội dung đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa:

a) Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 5 ngày làm việc xuống còn 3 ngày làm việc.

b) Phân cấp TTHC “quyết định lại đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động” từ cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng thực hiện về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện

Lý do: Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay; đồng thời để thực hiện chủ trương phân cấp, phân quyền để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

52.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 10 Nghị định 82/2019/NĐ-CP ngày 12/11/2019
- Lộ trình thực hiện: 2025.

52.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 5.521.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 4.151.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.370.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 24,8 %.

53. Thủ tục hành chính: Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa (Mã số TTHC: 2.001998)

53.1. Nội dung đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa:

a) Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 5 ngày làm việc xuống còn 3 ngày làm việc.

b) Phân cấp TTHC “Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa” từ cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng sang Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Lý do: Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay; đồng thời để thực hiện chủ trương phân cấp, phân quyền để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

53.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 13 Nghị định 78/2016//NĐ-CP ngày 01/7/2016.
- Lộ trình thực hiện: 2025.

53.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 17,201,100 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 13,651,100 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 3,550,000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20,6 %.

54. Thủ tục hành chính: Giao tuyến dẫn tàu (mã số TTHC: 1.002490)

54.1 Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 11 ngày làm việc xuống 7 ngày làm việc.

Lý do: Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay; đồng thời để thực hiện chủ trương phân cấp, phân

quyền để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; giảm chi phí, thời gian chuẩn bị hồ sơ cho doanh nghiệp.

54.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 19 Nghị định số 70/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016; được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 2 Nghị định số 147/2018/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

54.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.550.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.550.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0%.

55. Thủ tục hành chính: Xác nhận hàng năm Giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài (Mã số TTHC: 1.004137)

55.1. Nội dung đơn giản hóa:

Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 5 ngày làm việc xuống 3 ngày làm việc.

Lý do: Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

55.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Nghị định: Điều 43 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

55.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 53,015,800 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 40,011,000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 13,004,800 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 24,5 %.

56. Thủ tục hành chính: Phê duyệt đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài (Mã số TTHC: 1.004239)

56.1. Nội dung đơn giản hóa:

Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 5 ngày làm việc xuống 3 ngày làm việc.

Lý do: Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

56.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 43 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021.
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

56.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 213,215,800 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 187,215,800 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 26,000,000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12,2%.

57. Thủ tục hành chính: Công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa (Mã số TTHC: 1.004242)

57.1. Nội dung đơn giản hóa:

Bãi bỏ TTHC Công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa

Lý do: Đổi mới phương thức quản lý của cơ quan nhà nước, tạo sự chủ động cho doanh nghiệp.

57.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 3, khoản 4 Điều 20 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

57.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 12,171,000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 12,171,000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

58. Thủ tục hành chính: Tàu biển Việt Nam đã nhập cảnh sau đó vào cảng biển khác của Việt Nam mà không chờ hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc không có hành khách, thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài (Mã số TTHC: 1.004323)

58.1. Nội dung đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa:

Sửa đổi các quy định về các giấy tờ doanh nghiệp phải xuất trình khi thực hiện thủ tục hành chính

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp khi thực hiện TTHC.

58.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 94 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam.

- Lộ trình thực hiện: 2025.

58.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 215,553,250,000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 139,106,554,000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 76,446,696,000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 35,5 %.

59. Thủ tục hành chính: Đổi tên cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu (Mã số TTHC: 1.009443)

59.1. Nội dung đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ TTHC Đổi tên cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu

Lý do: Đổi mới phương thức quản lý của cơ quan nhà nước, tạo sự chủ động cho doanh nghiệp.

59.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 2 Điều 17 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

59.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 8,573,250 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 8,573,250 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %.

60. Thủ tục hành chính: Thỏa thuận nâng cấp bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa (Mã số TTHC: 1.009445)

60.1. Nội dung đơn giản hóa:

a) Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 5 ngày làm việc xuống 4 ngày làm việc.

b) Cung cấp dịch vụ công trực tuyến

Lý do: Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay; đồng thời giảm chi phí, thời gian chuẩn bị hồ sơ cho doanh nghiệp.

60.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 2 Điều 23 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

60.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 16,010,000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 10,915,000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 5,095,000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 31,8 %.

61. Thủ tục hành chính: Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa (Mã số TTHC: 1.009444)

61.1. Nội dung đơn giản hóa:

Bãi bỏ TTHC Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa

Lý do: Đổi mới phương thức quản lý của cơ quan nhà nước, tạo sự chủ động cho doanh nghiệp.

61.2. Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ khoản 6, 7 Điều 20 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021.
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

61.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 11,200,000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 11,200,000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %.

62. Thủ tục hành chính: Công bố chuyển bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa trong trường hợp bến thủy nội địa có quy mô, thông số kỹ thuật phù hợp với cấp kỹ thuật cảng thủy nội địa (Mã số TTHC: 1.009446)

62.1. Nội dung đơn giản hóa:

a) Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 5 ngày làm việc xuống 4 ngày làm việc.

b) Cung cấp dịch vụ công trực tuyến

Lý do: Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay; đồng thời giảm chi phí, thời gian chuẩn bị hồ sơ cho doanh nghiệp.

62.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 4 Điều 18 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024.

- Sửa đổi khoản 4 Điều 23 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

62.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 22,151,00 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 14,551,000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 7,600,000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 34,3%.

63. Thủ tục hành chính: Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa (Mã số TTHC: 1.009447)

63.1. Nội dung đơn giản hóa:

Bãi bỏ TTHC Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa

Lý do: Đổi mới phương thức quản lý của cơ quan nhà nước, tạo sự chủ động cho doanh nghiệp.

63.2. Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ khoản 4 Điều 24 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

63.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 4,600,150 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 4,600,150 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

64. Thủ tục hành chính: Thiết lập khu neo đậu (Mã số TTHC: 1.009448)

64.1. Nội dung đơn giản hóa:

a) Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 5 ngày làm việc xuống 4 ngày làm việc.

b) Cung cấp dịch vụ công trực tuyến

Lý do: Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay; đồng thời giảm chi phí, thời gian chuẩn bị hồ sơ cho doanh nghiệp.

64.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 3, khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

64.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 8,520,000 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 5,190,000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 3,330,000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 39 %.

65. Thủ tục hành chính: Công bố hoạt động khu neo đậu (Mã số TTHC: 1.009449)

65.1. Nội dung đơn giản hóa:

a) Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 5 ngày làm việc xuống 4 ngày làm việc.

b) Cung cấp dịch vụ công trực tuyến

Lý do: Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay; đồng thời giảm chi phí, thời gian chuẩn bị hồ sơ cho doanh nghiệp.

65.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 2, khoản 3 Điều 26 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

65.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15,720,000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 9,120,000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 6,600,000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 41,9%.

66. Thủ tục hành chính: Công bố đóng khu neo đậu (Mã số TTHC: 1.009450)

66.1. Nội dung đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ TTHC Công bố đóng khu neo đậu

Lý do: Đổi mới phương thức quản lý của cơ quan nhà nước, tạo sự chủ động cho doanh nghiệp.

66.2. Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ khoản 4 Điều 27 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

66.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 7,520,000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 7,520,000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

67. Thủ tục hành chính: Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa (Mã số TTHC: 1.009452)

67.1. Nội dung đơn giản hóa:

a) Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 10 ngày làm việc xuống 9 ngày làm việc.

b) Cung cấp dịch vụ công trực tuyến

c) Phân định thẩm quyền giải quyết TTHC từ Ủy ban nhân dân cấp huyện sang Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện giải quyết

Lý do: Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay; đồng thời để thực hiện chủ trương phân cấp, phân quyền để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; giảm chi phí, thời gian chuẩn bị hồ sơ cho doanh nghiệp.

67.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 4 Điều 15 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021.

- Sửa đổi điểm c khoản 5 Điều 15 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 được sửa đổi, bổ sung tại điểm c khoản 1 Điều 1 Nghị định 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

67.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 9,650,000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 4,100,000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 5,550,000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 57,5 %.

68. Thủ tục hành chính: Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính (Mã số TTHC: 1.009453)

68.1. Nội dung đơn giản hóa:

- a) Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 5 ngày làm việc xuống 4 ngày làm việc.
- b) Cung cấp dịch vụ công trực tuyến
- c) Phân định thẩm quyền giải quyết TTHC từ Ủy ban nhân dân cấp huyện sang Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện giải quyết

Lý do: Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay; đồng thời để thực hiện chủ trương phân cấp, phân quyền để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; giảm chi phí, thời gian chuẩn bị hồ sơ cho doanh nghiệp.

68.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi: khoản 3, khoản 4 Điều 16 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP.
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

68.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15,620,000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 11,020,500 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 4,599,500 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 29,5 %.

69. Thủ tục hành chính: Công bố hoạt động cảng thủy nội địa trường hợp không còn nhu cầu tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài (Mã số TTHC: 1.009458)

69.1. Nội dung đơn giản hóa:

Bãi bỏ TTHC Công bố hoạt động cảng thủy nội địa trường hợp không còn nhu cầu tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài

Lý do: Đổi mới phương thức quản lý của cơ quan nhà nước, tạo sự chủ động cho doanh nghiệp.

69.2. Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ khoản 9 Điều 18 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021.
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

69.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 16,250,000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 16,250,000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %.

70. Thủ tục hành chính: Công bố mở luồng chuyên dùng nối với luồng quốc gia, luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương (Mã số TTHC: 1.009459)

70.1. Nội dung đơn giản hóa:

- a) Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 10 ngày làm việc xuống 8 ngày làm việc.
- b) Cung cấp dịch vụ công trực tuyến

Lý do: Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay; đồng thời để giảm chi phí, thời gian chuẩn bị hồ sơ cho doanh nghiệp.

70.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi điểm c khoản 4 Điều 9 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021.
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

70.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 19,910,000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 13,710,000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 6,200,000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 31,1 %.

71. Thủ tục hành chính: Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa (Mã số TTHC: 1.009462)

71.1. Nội dung đơn giản hóa:

a) Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 5 ngày làm việc xuống 4 ngày làm việc.

b) Cung cấp dịch vụ công trực tuyến

Lý do: Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay; đồng thời để giảm chi phí, thời gian chuẩn bị hồ sơ cho doanh nghiệp.

71.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi: khoản 3, khoản 5 Điều 15 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Nghị định 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

71.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15,260,000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 9,760,000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 5,500,000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 36%.

72. Thủ tục hành chính: Công bố hoạt động bến thủy nội địa (Mã số TTHC: 1.009454)

72.1. Nội dung đơn giản hóa:

a) Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 5 ngày làm việc xuống 4 ngày làm việc.

b) Chuyển thành phần hồ sơ phải là “*Bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu: quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng bến thủy nội địa của cơ quan có thẩm quyền; giấy tờ về sử dụng đất để xây dựng bến thủy nội địa hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu, trừ trường hợp là bến phao; báo cáo kinh tế - kỹ thuật của chủ đầu tư (đối với bến thủy nội địa có dự án đầu tư xây dựng) hoặc phương án khai thác bến thủy nội địa*” thành “*Bản sao: quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng bến thủy nội địa của cơ quan có thẩm quyền; giấy tờ về sử dụng đất để xây dựng bến thủy nội địa hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu, trừ trường hợp là bến phao; báo cáo kinh tế - kỹ thuật của chủ đầu tư (đối với bến thủy nội địa có dự án đầu tư xây dựng) hoặc phương án khai thác bến thủy nội địa*”

c) Cung cấp dịch vụ công trực tuyến

d) Phân định thẩm quyền giải quyết TTHC từ Ủy ban nhân dân cấp huyện sang Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện giải quyết

Lý do: Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay; đồng thời để thực hiện chủ trương phân cấp, phân quyền để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; giảm chi phí, thời gian chuẩn bị hồ sơ cho doanh nghiệp.

72.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 3 Điều 18 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021.
- Sửa đổi khoản 4 Điều 18 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024.
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

72.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 30,015,000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 17,815,000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 12,200,000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 40,6 %.

73. Thủ tục hành chính: Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính (Mã số TTHC: 1.009455)

73.1. Nội dung đơn giản hóa:

a) Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 5 ngày làm việc xuống 4 ngày làm việc.

b) Chuyển thành phần hồ sơ phải nộp là “*bản sao có chứng thực giấy tờ về sử dụng đất để xây dựng bến (đối với bến khách ngang sông)*” thành “*bản sao giấy tờ về sử dụng đất để xây dựng bến (đối với bến khách ngang sông)*”

c) Cung cấp dịch vụ công trực tuyến

d) Phân định thẩm quyền giải quyết TTHC từ Ủy ban nhân dân cấp huyện sang Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện giải quyết

Lý do: Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay; đồng thời để thực hiện chủ trương phân cấp, phân quyền để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; giảm chi phí, thời gian chuẩn bị hồ sơ cho doanh nghiệp.

73.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi: khoản 2, khoản 3 Điều 19 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

73.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 21,510,200 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 14,105,200 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 7,405,000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 34,4 %.

74. Thủ tục hành chính: Công bố hoạt động cảng thủy nội địa (Mã số TTHC: 1.009456)

74.1. Nội dung đơn giản hóa:

a) Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 10 ngày làm việc xuống 8 ngày làm việc.

b) Chuyển thành phần hồ sơ phải là “Bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu: văn bản *phê duyệt dự án đầu tư xây dựng cảng thủy nội địa của cơ quan có thẩm quyền; giấy tờ về sử dụng đất để xây dựng cảng thủy nội địa do cơ quan có thẩm quyền cấp*” thành “ *Bản sao: văn bản phê duyệt dự án đầu tư xây dựng cảng thủy nội địa của cơ quan có thẩm quyền; giấy tờ về sử dụng đất để xây dựng cảng thủy nội địa do cơ quan có thẩm quyền cấp*”

c) Cung cấp dịch vụ công trực tuyến

Lý do: Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay; đồng thời để giảm chi phí, thời gian chuẩn bị hồ sơ cho doanh nghiệp.

74.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi: khoản 2 Điều 18 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021.

- Sửa đổi: khoản 4 Điều 18 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

74.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 30,015,000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 16,300,000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 13,715,000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 45,6%.

75. Thủ tục hành chính: Công bố cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài tại cảng thủy nội địa đã được công bố hoạt động (Mã số TTHC: 1.009457)

75.1. Nội dung đơn giản hóa:

Bãi bỏ TTHC: Công bố cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài tại cảng thủy nội địa đã được công bố hoạt động

Lý do: Đổi mới phương thức quản lý của cơ quan nhà nước, tạo sự chủ động cho doanh nghiệp.

75.2. Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ khoản 8 Điều 18 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021.
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

75.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 11,850,000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 11,850,000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %.

76. Thủ tục hành chính: Thủ tục cho phương tiện thủy nội địa rời cảng biển (trừ phương tiện thủy nội địa mang cấp VR-SB) (Mã số TTHC: 1.003286)

76.1. Nội dung đơn giản hóa:

Bãi bỏ TTHC cho phương tiện thủy nội địa rời cảng biển (trừ phương tiện thủy nội địa mang cấp VR-SB). Bãi bỏ phí, lệ phí liên quan đến TTHC.

Lý do: Đổi mới phương thức quản lý của cơ quan nhà nước, tạo sự chủ động cho doanh nghiệp.

76.2. Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ Điều 100 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 được sửa đổi bổ sung tại Khoản 5 Điều 1 Nghị định 74/2023/NĐ-CP ngày 11/10/2023; Khoản 38 Điều 1 Nghị định 34/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025.

- Sửa đổi Thông tư số 248/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

76.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 89,603,750,000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 89,603,750,000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %.

77. Thủ tục hành chính: Thủ tục cho phương tiện thủy nội địa vào cảng biển (trừ phương tiện thủy nội địa mang cấp VR-SB) (Mã số TTHC: 1.003391)

77.1. Nội dung đơn giản hóa:

Bãi bỏ TTHC Thủ tục cho phương tiện thủy nội địa vào cảng biển (trừ phương tiện thủy nội địa mang cấp VR-SB). Bãi bỏ phí, lệ phí liên quan đến TTHC.

Lý do: Đổi mới phương thức quản lý của cơ quan nhà nước, tạo sự chủ động cho doanh nghiệp.

77.2. Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ Điều 99 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 được sửa đổi bổ sung tại Khoản 4 Điều 1 Nghị định 74/2023/NĐ-CP ngày 11/10/2023; Khoản 37 Điều 1 Nghị định 34/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025.

- Sửa đổi Thông tư số 248/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

77.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 91,513,750,000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 91,513,750,000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %.

78. Thủ tục hành chính: Cấp giấy phép rời cảng, bến thủy nội địa đối với phương tiện, thủy phi cơ (Mã số TTHC: 1.003592)

78.1. Nội dung đơn giản hóa:

Bãi bỏ TTHC việc cấp giấy phép rời cảng, bến thủy nội địa đối với phương tiện. Bãi bỏ phí, lệ phí liên quan đến TTHC.

Lý do: Đổi mới phương thức quản lý của cơ quan nhà nước, tạo sự chủ động cho doanh nghiệp.

78.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 53 Nghị định 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021.

- Sửa đổi Thông tư số 248/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

78.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 84,640,258,830 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 303,000,000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 84,337,258,830/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 99,6 %.

79. Thủ tục hành chính: Cấp giấy phép vào cảng, bến thủy nội địa đối với phương tiện, thủy phi cơ (Mã số TTHC: 1.003614)

79.1. Nội dung đơn giản hóa:

Bãi bỏ TTHC việc cấp giấy phép vào cảng, bến thủy nội địa đối với phương tiện. Bãi bỏ phí, lệ phí liên quan đến TTHC.

Lý do: Đổi mới phương thức quản lý của cơ quan nhà nước, tạo sự chủ động cho doanh nghiệp.

79.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 53 Nghị định 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021.
- Sửa đổi Thông tư số 248/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

79.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 91,140,258,829 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 325,653,000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 90,814,605,829 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 99,6 %.

80. Thủ tục hành chính: Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng luồng đường thủy nội địa (Mã số TTHC: 1.009442)

80.1. Nội dung đơn giản hóa:

a) Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 5 ngày làm việc xuống 4 ngày làm việc.

b) Cung cấp dịch vụ công trực tuyến

Lý do: Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay; đồng thời để giảm chi phí, thời gian chuẩn bị hồ sơ cho doanh nghiệp.

80.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 8 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021.
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

80.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15,648,580 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 10,105,580 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 5,543,000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 35,4 %.

81. Thủ tục hành chính: Công bố đóng luồng đường thủy nội địa khi không có nhu cầu khai thác, sử dụng (Mã số TTHC: 1.009460)

81.1. Nội dung đơn giản hóa:

a) Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 10 ngày làm việc xuống 7 ngày làm việc.

b) Cung cấp dịch vụ công trực tuyến

Lý do: Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay; đồng thời để giảm chi phí, thời gian chuẩn bị hồ sơ cho doanh nghiệp.

81.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 11 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021.
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

81.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 7,922,492 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 4,115,100 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 3,807,392 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 48,1 %.

82. Thủ tục hành chính: Thỏa thuận về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các hoạt động trên đường thủy nội địa (Mã số TTHC: 1.009463)

82.1. Nội dung đơn giản hóa:

a) Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 5 ngày làm việc xuống 4 ngày làm việc.

b) Cung cấp dịch vụ công trực tuyến

Lý do: Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay; đồng thời để giảm chi phí, thời gian chuẩn bị hồ sơ cho doanh nghiệp.

82.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi: Điều 36, 37, 38, 39 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

82.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 124,624,600 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 85,124,600 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 39,500,000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 31,7 %.

83. Thủ tục hành chính: Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa (Mã TTHC: 1.009464)

83.1. Nội dung đơn giản hóa:

a) Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 5 ngày làm việc xuống 4 ngày làm việc.

b) Cung cấp dịch vụ công trực tuyến

Lý do: Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay; đồng thời để giảm chi phí, thời gian chuẩn bị hồ sơ cho doanh nghiệp.

83.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi: Điều 40 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

83.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 97,416,400 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 59,016,100 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 38,400,300 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 39,4 %.

84. Tàu biển hoạt động tuyến nội địa vào cảng biển và tàu biển Việt Nam đã nhập cảnh sau đó vào cảng biển khác của Việt Nam (bao gồm cả tàu quân sự, tàu công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi, giàn di động, thủy phi cơ, phương tiện thủy nội địa mang cấp VR-SB và các phương tiện thủy khác không quy định tại các khoản 2, 3 Điều 72 Nghị định 58/2017/NĐ-CP) (Mã số TTHC: 1.003829)

84.1. Nội dung đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa:

Sửa đổi các quy định về các giấy tờ doanh nghiệp phải xuất trình khi thực hiện thủ tục hành chính

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp khi thực hiện TTHC.

84.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 94 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam.

- Lộ trình thực hiện: 2025.

84.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 756,893,750,000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 595,573,992,191 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 161,319,757,809 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 21,3 %.

85. Tàu biển hoạt động tuyến nội địa rời cảng biển và tàu biển đã nhập cảnh sau đó rời cảng để đến cảng biển khác của Việt Nam (bao gồm cả tàu quân sự, tàu công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi, giàn di động, thủy phi cơ, phương tiện thủy nội địa mang cấp VR-SB và các phương tiện thủy khác không quy định tại các khoản 2, 3 Điều 72 Nghị định 58/2017/NĐ-CP) (Mã số TTHC: 1.003785)

85.1. Nội dung đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa:

Sửa đổi các quy định về các giấy tờ doanh nghiệp phải xuất trình khi thực hiện thủ tục hành chính

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp khi thực hiện TTHC.

85.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 96 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam.

- Lộ trình thực hiện: 2025.

85.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 694,893,750,000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 577,069,000,000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 117,824,750,000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 17%.

86. Thủ tục hành chính: Tàu thuyền có trọng tải từ 200 tấn trở xuống, mang cờ quốc tịch của quốc gia có chung đường biên giới với Việt Nam nhập cảnh, xuất cảnh tại khu vực biên giới của Việt Nam và quốc gia đó (Mã số TTHC: 1.003286)

86.1. Nội dung đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa:

Sửa đổi các quy định về các giấy tờ doanh nghiệp phải xuất trình khi thực hiện thủ tục hành chính

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp khi thực hiện TTHC.

86.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 93 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam.
- Lộ trình thực hiện: 2025.

86.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 599,713,500,000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 492,600,000,000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 107,113,500,000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 17,9 %.

87. Thủ tục hành chính: Tàu biển quá cảnh (Mã số TTHC: 2.001655)

87.1. Nội dung đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa:

Sửa đổi các quy định về các giấy tờ doanh nghiệp phải xuất trình khi thực hiện thủ tục hành chính

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp khi thực hiện TTHC.

87.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 92 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam.
- Lộ trình thực hiện: 2025.

87.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1,321,456,215,000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 900,000,000,000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 421,456,215,000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 31,9 %.

88. Thủ tục hành chính: Tàu biển xuất cảnh tại cảng dầu khí ngoài khơi và hoạt động trong vùng biển Việt Nam (Mã số TTHC: 1.003934)

88.1. Nội dung đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa:

Sửa đổi các quy định về các giấy tờ doanh nghiệp phải xuất trình khi thực hiện thủ tục hành chính

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp khi thực hiện TTHC.

88.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 91 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam.

- Lộ trình thực hiện: 2025.

88.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 169,872,628,500 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 131,146,390,000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 38,726,238,500 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 22,8 %.

89. Thủ tục hành chính: Tàu biển nhập cảnh tại cảng dầu khí ngoài khơi và hoạt động trong vùng biển Việt Nam (Mã số TTHC: 1.003978)

89.1. Nội dung đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa:

Sửa đổi các quy định về các giấy tờ doanh nghiệp phải xuất trình khi thực hiện thủ tục hành chính

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp khi thực hiện TTHC.

89.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 91 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam.

- Lộ trình thực hiện: 2025.

89.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 175,034,386,250 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 120,000,000,000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 55,034,386,250 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 31,4%.

90. Thủ tục hành chính: Tàu biển xuất cảnh (Mã số TTHC: 1.004028)

90.1. Nội dung đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa:

Sửa đổi các quy định về các giấy tờ doanh nghiệp phải xuất trình khi thực hiện thủ tục hành chính

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp khi thực hiện TTHC.

90.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 90 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam.

- Lộ trình thực hiện: 2025.

90.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1,800,266,520,000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1,197,749,000,000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 602,517,520,000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,5 %.

91. Thủ tục hành chính: Tàu biển nhập cảnh (Mã số TTHC: 1.004004)

91.1. Nội dung đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa:

Sửa đổi các quy định về các giấy tờ doanh nghiệp phải xuất trình khi thực hiện thủ tục hành chính

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp khi thực hiện TTHC.

91.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 89 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam.

- Lộ trình thực hiện: 2025.

91.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1,890,266,850,000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1,280,000,330,000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 610,266,520,000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 32,3%.

92. Thủ tục hành chính: Tàu biển hoạt động tuyến nội địa có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài vào cảng biển và tàu biển đã nhập cảnh sau đó rời cảng để đến cảng biển khác của Việt Nam có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài (Mã số TTHC: 1.004312)

92.1. Nội dung đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa:

Sửa đổi các quy định về các giấy tờ doanh nghiệp phải xuất trình khi thực hiện thủ tục hành chính

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp khi thực hiện TTHC.

92.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 95 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam.

- Lộ trình thực hiện: 2025.

92.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 552,451,500,000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 439,216,350,000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 113,235,150,000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20,5 %.

93. Thủ tục hành chính: Tàu biển hoạt động tuyến nội địa có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài rời cảng và tàu biển nước ngoài đã nhập cảnh sau đó vào cảng biển khác của Việt Nam (Mã số TTHC: 1.004304)

93.1. Nội dung đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa:

Sửa đổi các quy định về các giấy tờ doanh nghiệp phải xuất trình khi thực hiện thủ tục hành chính

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp khi thực hiện TTHC.

93.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 97 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam.

- Lộ trình thực hiện: 2025.

93.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 530,451,500,000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 421,330,817,000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 109,120,683,000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20,6%.

IV. Lĩnh vực hàng không

1. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký sử dụng thương hiệu của hãng hàng không khác đối với hãng hàng không kinh doanh vận chuyển hàng không, kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại

1.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ thủ tục hành chính

- Lý do: Thủ tục này chưa từng được triển khai trên thực tế, cho thấy thủ tục không phát sinh nhu cầu thực tiễn và có thể gây chồng chéo với các quy định pháp luật hiện hành về sở hữu trí tuệ, nhượng quyền thương mại và quy định pháp luật có liên quan khác.

1.2. Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ Điều khoản 6 Điều 26 Nghị định 30/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 89/2019/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: 2025.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 415.625 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 415.625 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %/.

2. Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung

2.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Thực hiện cắt giảm tổng thời gian giải quyết thủ tục hành từ 50 xuống 35 ngày.

b) Thực hiện phân cấp cơ quan giải quyết TTHC từ Thủ tướng Chính phủ xuống Bộ Xây dựng.

- Lý do: Triển khai quyết định 1015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ “Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Thủ tướng Chính phủ về Bộ đối với trường hợp cấp Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không.” Đồng thời cắt giảm thời gian thực hiện TTHC do hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

2.2. Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ Khoản 3 Điều 110 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam

- Sửa đổi, bổ sung Điều 10 Nghị định 92/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 89/2019/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: 2025 - 2026

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 24.003.125 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 22.778.125 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.252.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 5,1 %./.

3. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp cho doanh nghiệp giao nhận nước ngoài

3.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ thủ tục hành chính

- Lý do: Vì không còn phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước hiện nay theo hướng không can thiệp sâu vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, phù hợp với chủ trương tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động theo Nghị quyết số 18-NQ/TW năm 2017, và yêu cầu đổi mới công tác xây dựng, thi hành pháp luật bảo đảm tính khả thi, thực tiễn, minh bạch theo Nghị quyết số 66-NQ/TW năm 2025.

3.2. Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ Điều 141 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam;

- Bãi bỏ Điều 14 Thông tư 81/2014/TT-BGTVT ngày 30/12/2014 quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 21/2020/TT-BGTVT ; Thông tư 19/2023/TT-BGTVT và Thông tư 28/2023/TT-BGTVT.

- Lộ trình thực hiện: 2025 - 2026

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 78.837.500 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 78.837.500 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %./.

4. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp cho doanh nghiệp Việt Nam

4.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ thủ tục hành chính

- Lý do: Vì không còn phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước hiện nay theo hướng không can thiệp sâu vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, phù hợp với chủ trương tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động theo Nghị quyết số 18-NQ/TW năm 2017, và yêu cầu đổi mới công tác xây dựng, thi hành pháp luật bảo đảm tính khả thi, thực tiễn, minh bạch theo Nghị quyết số 66-NQ/TW năm 2025.

4.2. Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ Điều 141 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam;
- Bãi bỏ Điều 14 Thông tư 81/2014/TT-BGTVT ngày 30/12/2014 quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 21/2020/TT-BGTVT ; Thông tư 19/2023/TT-BGTVT và Thông tư 28/2023/TT-BGTVT.

- Lộ trình thực hiện: 2025 - 2026

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 295.640.625 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 295.640.625 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %./.

5. Thủ tục cấp giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành phương tiện, thiết bị hàng không hoạt động thường xuyên tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay

5.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ thủ tục hành chính.
- Lý do: Thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, thực hiện cấp giấy phép nhân viên phù hợp với quy định của ICAO.

5.2. Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ Điều 59 Nghị định 05/2021/NĐ-CP ngày 25/1/2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 64/2022/NĐ-CP.

- Bãi bỏ Điều 81; mẫu số 04 Phụ lục I và Phụ lục III của Thông tư 29/2021/TT-BGTVT ngày 30/11/2021 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

- Lộ trình thực hiện: 2025.

5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 911.021.875 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 911.021.875 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %./.

6. Thủ tục lại cấp giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành phương tiện, thiết bị hàng không hoạt động thường xuyên tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay

6.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ thủ tục hành chính
- Lý do: Thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, thực hiện cấp giấy phép nhân viên phù hợp với quy định của ICAO.

6.2. Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ Điều 59 Nghị định 05/2021/NĐ-CP ngày 25/1/2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 64/2022/NĐ-CP.
- Bãi bỏ Điều 81; mẫu số 04 Phụ lục I và Phụ lục III của Thông tư 29/2021/TT-BGTVT ngày 30/11/2021 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.
- Lộ trình thực hiện: 2025.

6.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 740.500.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 740.500.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %./.

7. Thủ tục cấp bổ sung năng định giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành phương tiện, thiết bị hàng không hoạt động thường xuyên tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay

7.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ thủ tục hành chính
- Lý do: Thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, thực hiện cấp giấy phép nhân viên phù hợp với quy định của ICAO.

7.2. Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ Điều 59 Nghị định 05/2021/NĐ-CP ngày 25/1/2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 64/2022/NĐ-CP.
- Bãi bỏ Điều 81; mẫu số 04 Phụ lục I và Phụ lục III của Thông tư 29/2021/TT-BGTVT ngày 30/11/2021 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

- Lộ trình thực hiện: 2025.

7.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 59.925.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 59.925.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %./.

8. Thủ tục Mở cảng hàng không, sân bay

8.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ thủ tục hành chính
- Lý do: Đổi mới phương thức quản lý của cơ quan quản lý nhà nước, tạo sự chủ động cho doanh nghiệp, hạn chế việc sử dụng nhiều giấy phép trong công tác quản lý. Đồng thời, đảm bảo phù hợp với thông lệ quốc tế và quy định của ICAO.

8.2. Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ Điều 39 Nghị định 05/2021/NĐ-CP ngày 25/1/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 64/2022/NĐ-CP ngày 15/9/2022 và Nghị định 20/2024/NĐ-CP ngày 23/2/2024. *(Phương án được thực hiện khi Luật HKDDVN (thay thế) được thông qua.)*

- Lộ trình thực hiện: 2025.

8.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 981.250 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 981.250 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %./.

9. Thủ tục đăng ký quyền sở hữu tàu bay

9.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ thủ tục hành chính
- Lý do: Điều chỉnh phương thức quản lý nhà nước đối với việc sở hữu tàu bay.

9.2. Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ Điều 15 Nghị định 68/2015/NĐ-CP ngày 18/8/2015 quy định về đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 64/2022/NĐ-CP ngày 15/9/2022.

- Lộ trình thực hiện: 2025.

9.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 113.231.250 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 113.231.250 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %./.

10. Thủ tục xóa đăng ký quyền sở hữu tàu bay

10.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ thủ tục hành chính
- Lý do: Điều chỉnh phương thức quản lý nhà nước đối với việc sở hữu tàu bay.

10.2. Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ Điều 20 Nghị định 68/2015/NĐ-CP ngày 18/8/2015 quy định về đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 64/2022/NĐ-CP ngày 15/9/2022.
- Lộ trình thực hiện: 2025.

10.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 169.159.375 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 169.159.375 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %./.

11. Thủ tục đăng ký quyền ưu tiên thanh toán tiền công cứu hộ, giữ gìn tàu bay

11.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ thủ tục hành chính
- Lý do: Điều chỉnh phương thức quản lý nhà nước đối với việc sở hữu tàu bay.

11.2. Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ Điều 17 Nghị định 68/2015/NĐ-CP ngày 18/8/2015 quy định về đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 64/2022/NĐ-CP ngày 15/9/2022.
- Lộ trình thực hiện: 2025.

11.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 6.246.875 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 6.246.875 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %./.

12. Thủ tục Xóa đăng ký quyền chiếm hữu tàu bay

12.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ thủ tục hành chính
- Lý do: Điều chỉnh phương thức quản lý nhà nước đối với việc sở hữu tàu bay.

12.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 21 Nghị định 68/2015/NĐ-CP ngày 18/8/2015 quy định về đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 64/2022/NĐ-CP ngày 15/9/2022.
- Lộ trình thực hiện: 2025.

12.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 50.050.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 50.050.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%./.

13. Thủ tục Sửa chữa, bổ sung, điều chỉnh thông tin về đăng ký quốc tịch tàu bay, đăng ký các quyền đối với tàu bay và đăng ký văn bản IDERA

13.1. Nội dung đơn giản hóa

- Đổi tên thủ tục hành chính thành: Sửa chữa, bổ sung, điều chỉnh thông tin đăng ký các quyền đối với tàu bay và đăng ký văn bản IDERA
- Lý do: Thực hiện điều chỉnh lại tên thủ tục cho phù hợp với quy định và thực tế công tác quản lý.

13.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 20 Nghị định 68/2015/NĐ-CP ngày 18/8/2015 quy định về đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 64/2022/NĐ-CP ngày 15/9/2022.
- Lộ trình thực hiện: 2025.

13.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 205.012.500 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 205.012.500 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %./

14. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền chiếm hữu tàu bay

14.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ thủ tục hành chính
- Lý do: Điều chỉnh phương thức quản lý nhà nước đối với việc sở hữu tàu bay.

14.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 16 Nghị định 68/2015/NĐ-CP ngày 18/8/2015 quy định về đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 64/2022/NĐ-CP ngày 15/9/2022.

- Lộ trình thực hiện: 2025.

14.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 31.343.750 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 31.343.750 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%/.

15. Thủ tục cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay (trừ cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không)

15.1. Nội dung đơn giản hóa

- Sửa đổi đổi thành phần hồ sơ; giảm đối tượng thực hiện cấp giấy phép (theo điều kiện kinh doanh)
- Lý do: Điều chỉnh phương thức quản lý nhà nước trong hoạt động kinh doanh dịch vụ hàng không.

15.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 15 Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 89/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019, Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15/09/2022 (*sửa theo điều kiện kinh doanh*).

- Lộ trình thực hiện: 2025.

15.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 422.925.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 209.712.500 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 213.212.500 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50,4 %/.

16. Thủ tục cấp lại Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay (trừ cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không)

16.1. Nội dung đơn giản hóa

- Cắt giảm đối tượng thực hiện cấp giấy phép cung cấp dịch vụ *(theo điều kiện kinh doanh)*

- Lý do: Điều chỉnh phương thức quản lý nhà nước trong hoạt động kinh doanh dịch vụ hàng không.

16.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 15 Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 89/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019, Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15/09/2022). *(sửa theo điều kiện kinh doanh)*.

- Lộ trình thực hiện: 2025.

16.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 152.765.625 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 91.209.375 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 61.556.250 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 40,3 %/.

17. Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh cảng hàng không

17.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Cắt giảm đối tượng thực hiện cấp giấy phép cung cấp dịch vụ *(sửa theo điều kiện kinh doanh)*

b) Sửa đổi, phân cấp cơ quan giải quyết TTHC từ Bộ xuống Cục HKVN.

- Lý do: Điều chỉnh phương thức quản lý của cơ quan quản lý nhà nước, tạo sự chủ động cho doanh nghiệp. Thực hiện chủ trương phân cấp theo quyết định 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng phê duyệt phương án phân cấp “Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ xuống Cục Hàng không Việt Nam.”

17.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 15 Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 89/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019, Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15/09/2022). *(sửa theo điều kiện kinh doanh)*

- Sửa đổi, bổ sung Điều 57 Nghị định 05/2021/NĐ-CP ngày 25/1/2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 64/2022/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: 2025.

17.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.593.750 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 996.875 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.596.875 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 61,6%./.

18. Thủ tục Đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay trong trường hợp cải tạo, mở rộng, sửa chữa kết cấu hạ tầng

18.1. Nội dung đơn giản hóa

- Sửa đổi, bổ sung cơ quan giải quyết TTHC; thời gian giải quyết từ 15 ngày xuống 10 ngày làm việc
- Lý do: Triển khai quyết định 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng phê duyệt phương án phân cấp “Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Giao thông vận tải về Cục Hàng không Việt Nam.”

Giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục hành chính theo yêu cầu Nghị quyết 66/NQ-CP của Chính phủ.

18.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 49 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam.
- Sửa đổi, bổ sung Điều 43 Nghị định 05/2021/NĐ-CP ngày 25/1/2021 về quản lý, thác cảng hàng không, sân bay đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 64/2022/NĐ-CP. *(Phương án được thực hiện khi Luật HKDDVN (thay thế) được thông qua).*
- Lộ trình thực hiện: 2025 - 2026.

18.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 51.150.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 31.900.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 3,1 %./.

18. Thủ tục Cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không

18.1. Nội dung đơn giản hóa

- Sửa đổi, bổ sung cơ quan giải quyết thủ tục hành chính
- Lý do: Triển khai quyết định 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng phê duyệt phương án phân cấp “Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ xuống Cục Hàng không Việt Nam.”

18.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung khoản Điều 63 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam.
- Sửa đổi, bổ sung Điều 57 Nghị định 05/2021/NĐ-CP ngày 25/1/2021 về quản lý, thác cảng hàng không, sân bay đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 64/2022/NĐ-CP và Nghị định 20/2024/NĐ-CP. *(Phương án được thực hiện khi Luật HKDDVN (thay thế) được thông qua).*
- Lộ trình thực hiện: 2025 - 2026.

18.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 696.875 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 696.875 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %/.

19. Thủ tục Đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, sự cố, tai nạn hàng không và các tình huống bất thường khác uy hiếp đến an toàn hàng không, an ninh hàng không

19.1. Nội dung đơn giản hóa

- Sửa đổi, bổ sung cơ quan giải quyết TTHC
- Lý do: Triển khai quyết định 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng phê duyệt phương án phân cấp “Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Giao thông vận tải về Cục Hàng không Việt Nam.”.

19.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 49 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam.
- Sửa đổi, bổ sung Điều 45 Nghị định 05/2021/NĐ-CP ngày 25/1/2021 về quản lý, thác cảng hàng không, sân bay (*Phương án được thực hiện khi Luật HKDDVN (thay thế) được thông qua.*)
- Lộ trình thực hiện: 2025 - 2026.

19.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 581.250 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 581.250 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %/.

20. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không (trừ lĩnh vực đào tạo nhân viên an ninh hàng không)

20.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 25 ngày xuống 15 ngày
- Lý do: Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

20.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 27 Nghị định 92/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định về các ngành nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 89/2019/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: 2025.

20.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 53.475.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 49.975.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 3.500.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 6,5 %./.

21. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không (trừ lĩnh vực đào tạo nhân viên an ninh hàng không)

21.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày xuống 10 ngày làm việc
- Lý do: Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

21.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 28 Nghị định 92/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định về các ngành nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 89/2019/NĐ-CP.
- Lộ trình thực hiện: 2025.

21.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 85.750.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 82.906.250 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 2.843.750 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 3,3 %./.

22. Thủ tục chấp thuận phương án đảm bảo an ninh, an toàn và vệ sinh môi trường đối với hoạt động xây dựng, cải tạo, nâng cấp, bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị trong khu vực cảng hàng không, sân bay

22.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 12 ngày xuống 10 ngày làm việc
- Lý do: Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng

Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

22.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 50 Nghị định 05/2021/NĐ-CP ngày 25/1/2021 về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 64/2022/NĐ-CP ngày 15/9/2022.

- Lộ trình thực hiện: 2025.

22.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 115.312.500 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 89.062.500 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 26.250.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 22,7 %/.

23. Thủ tục phê duyệt bản vẽ tổng mặt bằng trong phạm vi ranh giới dự án được giao đầu tư

23.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 30 ngày xuống 27 ngày

- Lý do: Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

23.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Khoản 4 Điều 49 Nghị định 05/2021/NĐ-CP ngày 25/1/2021 về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 64/2022/NĐ-CP ngày 15/9/2022.

- Lộ trình thực hiện: 2025.

23.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 29.484.375 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 22.921.875 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 6.262.500 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 22,2 %/.

24. Thủ tục phê duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác công trình

24.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày xuống 8 ngày làm việc

- Lý do: Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng

Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

24.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Khoản 10 Điều 51 Nghị định 05/2021/NĐ-CP ngày 25/1/2021 về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 64/2022/NĐ-CP ngày 15/9/2022.

- Lộ trình thực hiện: 2025.

24.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 41.062.500 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 31.437.500 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 9.625.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 23.4 %./.

25. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại

25.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 35 ngày xuống 25 ngày
- Lý do: Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

25.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 23 Nghị định 30/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 89/2019/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: 2025.

25.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 9.571.875 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 9.221.875 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 350.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 3,6 %./.

26. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại

26.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 35 ngày xuống 30 ngày

- Lý do: Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

26.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 23 Nghị định 30/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 89/2019/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: 2025.

26.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 16.475.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 15.775.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 700.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 4,2 %/.

27. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay

27.1. Nội dung đơn giản hóa

- Dự kiến bãi bỏ (khi Luật HKDDVN (thay thế) được thông qua)
- Lý do: Đổi mới phương thức quản lý của cơ quan quản lý nhà nước, tạo sự chủ động cho doanh nghiệp.

27.2. Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ Điều 52 Nghị định 05/2021/NĐ-CP ngày 25/1/2021 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 64/2022/NĐ-CP ngày 15/9/2022 (*Phương án được thực hiện khi Luật HKDDVN (thay thế) được thông qua*).

- Lộ trình thực hiện: 2025.

27.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 70.793.125 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 70.793.125 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %/.

28. Thủ tục Sửa đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay

28.1. Nội dung đơn giản hóa

- Dự kiến bãi bỏ (khi Luật HKDDVN (thay thế) được thông qua)
- Lý do: Đổi mới phương thức quản lý của cơ quan quản lý nhà nước, tạo sự chủ động cho doanh nghiệp.

28.2. Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ Điều 53 Nghị định 05/2021/NĐ-CP ngày 25/1/2021 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 64/2022/NĐ-CP ngày 15/9/2022 (*Phương án được thực hiện khi Luật HKDDVN (thay thế) được thông qua*).

- Lộ trình thực hiện: 2025.

28.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 40.346.875 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 40.346.875 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %/.

29. Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay

29.1. Nội dung đơn giản hóa

- Dự kiến bãi bỏ (khi Luật HKDDVN (thay thế) được thông qua)

- Lý do: Đổi mới phương thức quản lý của cơ quan quản lý nhà nước, tạo sự chủ động cho doanh nghiệp.

29.2. Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ Điều 52 Nghị định 05/2021/NĐ-CP ngày 25/1/2021 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 64/2022/NĐ-CP ngày 15/9/2022 (*Phương án được thực hiện khi Luật HKDDVN (thay thế) được thông qua*).

- Lộ trình thực hiện: 2025.

29.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 5.515.625 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 5.515.625 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %/.

30. Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay

30.1. Nội dung đơn giản hóa

- Dự kiến bãi bỏ (khi Luật HKDDVN (thay thế) được thông qua)

- Lý do: Đổi mới phương thức quản lý của cơ quan quản lý nhà nước, tạo sự chủ động cho doanh nghiệp.

30.2. Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ Điều 52 Nghị định 05/2021/NĐ-CP ngày 25/1/2021 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 64/2022/NĐ-CP ngày 15/9/2022 (*Phương án được thực hiện khi Luật HKDDVN (thay thế) được thông qua*).

- Lộ trình thực hiện: 2025.

30.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 793.125 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 793.125 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %./.

31. Thủ tục Cấp phép bay quá cảnh cho các chuyến bay thực hiện hoạt động bay dân dụng tại Việt Nam

31.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ thủ tục hành chính
- Lý do: Đổi mới phương thức quản lý của cơ quan quản lý nhà nước, tạo sự chủ động cho doanh nghiệp.

31.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 15 Nghị định 125/2015/NĐ-CP ngày 04/12/2015 quy định chi tiết về quản lý hoạt động bay.
- Lộ trình thực hiện: 2025.

31.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.990.351.250 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 2.990.351.250 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %./.

32. Thủ tục Cấp phép bay đi, đến cho các chuyến bay thực hiện hoạt động hàng không dân dụng tại Việt Nam

32.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ thủ tục hành chính
- Lý do: Đổi mới phương thức quản lý của cơ quan quản lý nhà nước, tạo sự chủ động cho doanh nghiệp.

32.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 15 Nghị định 125/2015/NĐ-CP ngày 04/12/2015 quy định chi tiết về quản lý hoạt động bay.
- Lộ trình thực hiện: 2025.

32.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.990.351.250 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 2.990.351.250 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %./.

V. Lĩnh vực đăng kiểm

1. Thủ tục hoặc nhóm thủ tục (mã số): Xác nhận cấp mới và thông báo về năng lực kỹ thuật cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện thủy nội địa (TTHC chưa ban hành)

1.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Bãi bỏ.

- Lý do:

+ Quy định về cơ sở vật chất, năng lực kỹ thuật có thể được kiểm soát thông qua hậu kiểm, không cần tiền kiểm như điều kiện đầu tư.

+ Việc tuân thủ QCVN có thể áp dụng trong giai đoạn thi công và kiểm định phương tiện, không cần áp đặt từ khâu đăng ký kinh doanh.

+ Phù hợp với chủ trương cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết theo Nghị quyết 68/NQ-CP và chỉ đạo của Chính phủ.

+ Phù hợp với Chỉ thị 05/CT-TTg ngày 01/03/2025 của Thủ tướng Chính phủ về bãi bỏ ít nhất 30% điều kiện kinh doanh không cần thiết trong năm 2025.

1.2. Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ khoản 2, khoản 3 Điều 6 Nghị định 24/2015-NĐ-CP được sửa đổi bổ sung bởi Điều 3 Nghị định 128/2018/NĐ-CP ngày 24/9/2018 Nghị định Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực đường thủy nội địa.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 72.187.500 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 72.187.500 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %.

2. Thủ tục hoặc nhóm thủ tục (mã số): Xác nhận bất thường năng lực kỹ thuật cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện thủy nội địa (TTHC chưa ban hành)

2.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Bãi bỏ

Lý do:

+ Quy định về cơ sở vật chất, năng lực kỹ thuật có thể được kiểm soát thông qua hậu kiểm, không cần tiền kiểm như điều kiện đầu tư.

+ Việc tuân thủ QCVN có thể áp dụng trong giai đoạn thi công và kiểm định phương tiện, không cần áp đặt từ khâu đăng ký kinh doanh.

+ Phù hợp với chủ trương cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết theo Nghị quyết 68/NQ-CP và chỉ đạo của Chính phủ.

+ Phù hợp với Chỉ thị 05/CT-TTg ngày 01/03/2025 của Thủ tướng Chính phủ về bãi bỏ ít nhất 30% điều kiện kinh doanh không cần thiết trong năm 2025.

2.2. Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ khoản 2, khoản 3 Điều 6 Nghị định 24/2015-NĐ-CP được sửa đổi bổ sung bởi Điều 3 Nghị định 128/2018/NĐ-CP ngày 24/9/2018 Nghị định Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực đường thủy nội địa.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 32.812.500 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 32.812.500 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %.

3. Thủ tục hoặc nhóm thủ tục (mã số): 1.001309 (tục công nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển), 1.001313 (tục công nhận lại cơ sở đủ điều kiện đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển)

3.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Bãi bỏ

Lý do: Phù hợp với Chỉ thị 05/CT-TTg ngày 01/03/2025 của Thủ tướng Chính phủ về bãi bỏ ít nhất 30% điều kiện kinh doanh không cần thiết trong năm 2025.

3.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Nghị định 111/2016/NĐ-CP (Bỏ các điều 15, 16, 17, 18).

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 172.000 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 172.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %.

4. Thủ tục hoặc nhóm thủ tục: Cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô (thuộc đối tượng của Nghị định 116/2017/NĐCP) (1.007936)

4.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Giảm ngày cấp giấy chứng nhận từ 5 ngày thành 4 ngày.

b) Giảm lệ phí cấp Giấy chứng nhận ô tô con từ 5.000.000 thành 3.000.000.

Lý do:

- Hiện nay, các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử nên việc rút ngắn thời gian thực hiện TTHC là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

- Giảm phí trên cơ sở định mức.

4.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm 6, mục III, phụ lục Thông tư 239/2016/TT-BTC.
- Sửa đổi, bổ sung điểm d, khoản 3, Điều 23 Nghị định 116/2017/ND-CP.
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 313.579.500 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 193.579.500 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 120.000.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 38,3 %.

5. Thủ tục hoặc nhóm thủ tục: Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô (thuộc đối tượng của Nghị định 116/2017/NĐCP) (1.007937)

5.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Giảm ngày cấp giấy chứng nhận từ 5 ngày thành 4 ngày

Lý do: Hiện nay, các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử nên việc rút ngắn thời gian thực hiện TTHC là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

5.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm c, khoản 2, Điều 24 Nghị định 116/2017/NĐ-CP.
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 3.621.200 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 3.621.200 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

6. Thủ tục hoặc nhóm thủ tục: Cấp lại Thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường linh kiện nhập khẩu (theo Nghị định số 60/2023/NĐ-CP) (1.011874)

6.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Giảm ngày cấp giấy chứng nhận từ 4 ngày thành 3 ngày

Lý do: Hiện nay, các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử nên việc rút ngắn thời gian thực hiện TTHC là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

6.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 5, Điều 7, nghị định 60/2023/NĐ-CP.
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

6.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.376.413 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 2.376.413 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

7. Thủ tục hoặc nhóm thủ tục: Cấp Thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường linh kiện nhập khẩu (theo Nghị định số 60/2023/NĐ-CP) (1.011872)

7.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Giảm ngày cấp giấy chứng nhận từ 4 ngày thành 3 ngày

Lý do: Hiện nay, các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử nên việc rút ngắn thời gian thực hiện TTHC là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

7.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 6, Điều 5, nghị định 60/2023/NĐ-CP.
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

7.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 54.318.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 54.318.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

8. Thủ tục hoặc nhóm thủ tục: Cấp lại Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu (theo Nghị định số 60/2023/NĐ-CP) (1.011873)

8.1. Nội dung đơn giản hóa

- a) Giảm ngày cấp giấy chứng nhận từ 4 ngày thành 3 ngày
- b) Giảm lệ phí cấp Giấy chứng nhận ô tô con từ 90.000 thành 40.000

Lý do:

- Hiện nay, các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử nên việc rút ngắn thời gian thực hiện TTHC là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

- Giảm lệ phí cấp GCN ô tô con cho bằng cái loại phương tiện khác.

8.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3, Điều 1, Thông tư 36/2022/TT-BTC.
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

8.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 271.060 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 221.060 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 50 000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 18,5 %.

(TTHC này có hiệu lực từ 01/08/2025 nên chi phí tuân thủ TTHC đang tính cho 1 xe)

9. Thủ tục hoặc nhóm thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu (theo Nghị định số 60/2023/NĐ-CP) (1.011871)

9.1. Nội dung đơn giản hóa

- a) Giảm ngày cấp giấy chứng nhận từ 4 ngày thành 3 ngày
- b) Giảm lệ phí cấp Giấy chứng nhận ô tô con từ 90.000 thành 40.000

Lý do:

- Hiện nay, các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử nên việc rút ngắn thời gian thực hiện TTHC là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

- Giảm lệ phí cấp GCN ô tô con cho bằng cái loại phương tiện khác.

9.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3, Điều 1, Thông tư 36/2022/TT-BTC.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

9.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 542.650 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 492.650 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 50 000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 9,3 %.

(TTHC này có hiệu lực từ 01/08/2025 nên chi phí tuân thủ TTHC đang tính cho 1 xe)

10. Thủ tục hoặc nhóm thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới sản xuất, lắp ráp (1.013332)

10.1. Nội dung đơn giản hóa

- a) Giảm lệ phí cấp Giấy chứng nhận ô tô con từ 90.000 thành 40.000

Lý do: Giảm lệ phí cấp GCN ô tô con cho bằng cái loại phương tiện khác

10.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3, Điều 1 Thông tư 36/2022/TT-BTC.
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

10.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 488.183.040 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 438.583.040 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 49.600.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10.2 %.

11. Thủ tục hoặc nhóm thủ tục: Cấp mở rộng Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới sản xuất, lắp ráp (1.013334)

11.1. Nội dung đơn giản hóa

- a) Giảm ngày cấp giấy chứng nhận từ 10 ngày thành 7 ngày
- b) Giảm lệ phí cấp Giấy chứng nhận ô tô con từ 90.000 thành 40.000

Lý do:

- Hiện nay, các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử nên việc rút ngắn thời gian thực hiện TTHC là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

- Giảm lệ phí cấp GCN ô tô con cho bằng cái loại phương tiện khác.

11.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3, Điều 1 Thông tư 36/2022/TT-BTC.
- Sửa đổi, bổ sung điểm c, điểm d khoản 3 Điều 9 thông tư 55/2024/TT-BGTVT.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

11.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 13.983.600 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 12.783.600 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.200.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 8,6 %.

12. Thủ tục hoặc nhóm thủ tục: Cấp lại Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới sản xuất, lắp ráp (1.013333)

12.1. Nội dung đơn giản hóa

- a) Giảm ngày cấp giấy chứng nhận từ 10 ngày thành 7 ngày
- b) Giảm lệ phí cấp Giấy chứng nhận ô tô con từ 90.000 thành 40.000

Lý do:

- Hiện nay, các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử nên việc rút ngắn thời gian thực hiện TTHC là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

- Giảm lệ phí cấp GCN ô tô con cho bằng cái loại phương tiện khác.

12.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 1 Thông tư 36/2022/TT-BTC
- Sửa đổi, bổ sung điểm c, điểm d khoản 3 Điều 8 Thông tư 55/2024/TT-BGTVT

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

12.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 187.321.975 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 171.246.975 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 16.075.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20,9 %.

13. Thủ tục hoặc nhóm thủ tục: Chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng (1.013327)

13.1. Nội dung đơn giản hóa

- a) Giảm lệ phí cấp Giấy chứng nhận ô tô con từ 90.000 thành 40.000.

b) Giảm thời gian thực hiện: cắt bỏ bước in, đóng dấu GCN bản giấy; cắt bỏ thành phần hóa đơn thương mại trong thành phần hồ sơ.

Lý do:

- Hiện nay, các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử nên việc rút ngắn thời gian thực hiện TTHC là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

- Giảm lệ phí cấp GCN ô tô con cho bằng cái loại phương tiện khác.

13.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 1 Thông tư 36/2022/TT-BTC.
- Sửa đổi, bổ sung điểm h khoản 1 Điều 5 thông tư 54/2024/TT-BGTVT.
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

13.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 36.639.428.870 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 25.859.103.732 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 10.780.325.138 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 29,4 %.

13. Thủ tục hoặc nhóm thủ tục: Cấp lại Chứng chỉ chất lượng xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới trong trường hợp bị mất (1.013330)

13.1. Nội dung đơn giản hóa

- a) Giảm ngày cấp giấy chứng nhận từ 4 ngày thành 3 ngày
- b) Giảm lệ phí cấp Giấy chứng nhận ô tô con từ 90.000 thành 40.000

Lý do:

- Hiện nay, các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử nên việc rút ngắn thời gian thực hiện TTHC là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

- Giảm lệ phí cấp GCN ô tô con cho bằng cái loại phương tiện khác.

13.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung khoản 4, Điều 9 thông tư 54/2024/TT-BGTVT;
- Sửa đổi, bổ sung khoản 3, Điều 1, Thông tư 36/2022/TT-BTC.
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

13.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 21.263.600 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 17.263.600 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 3.960.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 18,8 %.

14. Thủ tục hoặc nhóm thủ tục (mã số): Cấp phôi Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định (MS: 1.010246)

14.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Sửa đổi giảm thời gian giải quyết TTHC: từ 8 ngày thành 5 ngày (giảm 37,5%)

Lý do: Hiện nay, các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử nên việc rút ngắn thời gian thực hiện TTHC là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

14.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung điểm b, điểm c khoản 7 Điều 13 Nghị định số 166/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024.
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

14.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 220.000 đồng/năm - (chi phí này không bao gồm chi phí phôi ấn chỉ).
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 100.000 đồng/năm - (chi phí này không bao gồm chi phí phôi ấn chỉ).
- Chi phí tiết kiệm: 120.000 đồng/năm (chi phí này không bao gồm chi phí phôi ấn chỉ).
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 54,55 %.

VI. Lĩnh vực hoạt động xây dựng

1. Nhóm thủ tục cấp mới/cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng (mã TTHC: 1.013220, 1.013221)

1.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ: 02 TTHC, chuyển sang hình thức tự công bố thông tin năng lực (Danh mục người lao động; mã số chứng chỉ hành nghề; kinh nghiệm hoạt động xây dựng của tổ chức) tại Trang thông tin điện tử của cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh.

- Lý do: Thực hiện Công điện số 78/CD-TTg ngày 29/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về tập trung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính lĩnh vực xây dựng, chuyển từ hình thức tiền kiểm sang hậu kiểm, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp.

1.2. Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ khoản 4 Điều 148, khoản 2 Điều 159 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 53 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng) để cắt giảm thủ tục cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng và trách nhiệm đăng tải thông tin năng lực hoạt động xây dựng của cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ. Lộ trình thực hiện: 2025 - 2026.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 159 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 58 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng) để chuyển sang hình thức doanh nghiệp tham gia hoạt động xây dựng tự công bố và chịu trách nhiệm về thông tin công bố của doanh nghiệp. Lộ trình thực hiện: 2025 - 2026.

- Sửa đổi khoản 3 Điều 159 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 58 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng) để quy định cụ thể trách nhiệm của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương trong việc kiểm tra, xử lý vi phạm của tổ chức tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn do mình quản lý. Lộ trình thực hiện: 2025 - 2026.

- Bãi bỏ Điều 94, 95, 96 và 97 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng. Lộ trình thực hiện: 2025 - 2026.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.245.000.000 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.245.000.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

2. Nhóm thủ tục cấp mới/cấp lại/cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng (mã TTHC: 1.013237, 1.013217, 1.013219)

2.1. Nội dung đơn giản hóa

- Cắt giảm 70% lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề (từ 300.000 đồng xuống còn 90.000 đồng đối với trường hợp cấp mới, chuyển đổi; từ 150.000 đồng xuống còn 45.000 đồng đối với trường hợp cấp lại). Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.
- Cắt giảm thời gian giải quyết (đối với trường hợp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng) từ 25 ngày xuống còn 15 ngày. Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

Lý do: Việc thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng hiện nay được đẩy mạnh, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay, góp phần giảm gánh nặng chi phí tuân thủ TTHC, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp tham gia hoạt động xây dựng.

2.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Thông tư 38/2022/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư. Lộ trình thực hiện: Năm 2025.
- Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 76 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng. Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.660.000.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.162.000.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 498.000.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

3. Nhóm thủ tục cấp/cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài (mã TTHC: 1.013222, 1.013224)

3.1. Nội dung đơn giản hóa

- Cắt giảm 75% lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng (từ 2.000.000 đồng giảm xuống còn 500.000 đồng).
- Giảm thời gian giải quyết từ 20 ngày xuống còn 10 ngày.

Lý do: Việc thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng hiện nay được đẩy mạnh, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay, góp phần giảm gánh nặng chi phí tuân thủ TTHC, tạo thuận lợi cho nhà thầu nước ngoài tham gia hoạt động xây dựng tại Việt Nam.

3.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 3 Điều 4 Thông tư số 38/2022/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư. Lộ trình thực hiện: Năm 2025.
- Sửa đổi khoản 1 Điều 117 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng. Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.775.250.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.242.680.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 532.580.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

4. Nhóm thủ tục thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh/Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh (mã TTHC: 1.013216, 1.013218, 1.013239, 1.013234)

4.1. Nội dung đơn giản hóa

- Phân cấp triệt để thẩm quyền thẩm định dự án, thiết kế xây dựng từ cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ về cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc UBND cấp tỉnh (trừ trường hợp dự án do Thủ tướng Chính phủ giao).
- Cắt giảm đối tượng phải thực hiện thủ tục thẩm định dự án, thiết kế (không phải thực hiện thủ tục thẩm định dự án, thiết kế đối với công trình dân dụng, công trình công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình giao thông, công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn cấp III).
- Cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục thẩm định dự án từ 35 ngày xuống còn 25 ngày (đối với dự án nhóm A), giảm thời gian giải quyết thủ tục thẩm định thiết kế từ 40 ngày xuống còn 30 ngày (đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I).

Lý do: Việc thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng hiện nay được đẩy mạnh, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay; đồng thời, thực thi chủ trương phân cấp, phân quyền của Đảng, Chính phủ; góp phần cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh tại Việt Nam.

4.2. Kiến nghị thực thi

- Đã thực thi phương án phân cấp tại điểm a khoản 1 Điều 11 Nghị định số 144/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

- Đã thực thi cắt giảm đối tượng phải thực hiện thủ tục thẩm định dự án, thiết kế tại cơ quan chuyên môn về xây dựng tại Phụ lục III Nghị định số 144/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

- Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 59 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng), điểm a khoản 9 Điều 47 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng để giảm thời gian giải quyết TTHC. Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 3.765.880.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 2.844.660.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 921.220.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 24,5 %.

5. Nhóm thủ tục cấp giấy phép xây dựng mới/sửa chữa, cải tạo/cấp lại/gia hạn/điều chỉnh/di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II; cấp III, cấp IV và nhà ở riêng lẻ (mã TTHC: 1.013236, 1.013238, 1.013235, 1.013233, 1.013231, 1.013230; 1.013225, 1.013229, 1.013228, 1.013227, 1.013226, 1.013232)

5.1. Nội dung đơn giản hóa

- Mở rộng phạm vi đối tượng (công trình xây dựng) được miễn giấy phép xây dựng: Thay thế nội dung “Nhà ở riêng lẻ có quy mô dưới 07 tầng thuộc dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, dự án đầu tư xây dựng nhà ở có quy hoạch chi tiết 1/500 đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt”, bằng nội dung sau “Công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng tại khu vực đã có quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 và được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng”.

- Cắt giảm thời gian cấp giấy phép xây dựng từ 20 ngày xuống còn 15 ngày (đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, II, III, IV), từ 15 ngày xuống còn 10 ngày (đối với nhà ở riêng lẻ).

- Chuyển thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng từ cấp huyện xuống cấp xã.

Lý do: Việc thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng hiện nay được đẩy mạnh, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay. Đồng thời, để đáp ứng mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp; tạo thuận lợi, tiết kiệm thời gian, chi phí cho doanh nghiệp khi tham gia đầu tư xây dựng, kinh doanh, góp phần cải thiện môi trường kinh doanh của Việt Nam.

5.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi điểm h khoản 2 Điều 89 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 30 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng). Lộ trình thực hiện: Đang được thực thi tại dự án Luật Đường sắt, dự kiến trình Quốc hội thông qua năm 2025.

- Sửa đổi quy định tại điểm e khoản 1 Điều 102 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 (được sửa đổi, bổ sung tại điểm c khoản 36 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng) để cắt giảm thời gian cấp giấy phép xây dựng. Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

- Đã thực thi việc phân định thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng về cấp xã tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.020.500.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.607.700.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 412.800.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20,43 %.

6. Thủ tục công nhận tổ chức xã hội nghề nghiệp đủ điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III và chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III cho hội viên của mình (mã TTHC 1.013223)

6.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ thủ tục hành chính công nhận tổ chức xã hội nghề nghiệp đủ điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III và chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III cho hội viên của mình.

- Lý do: Thống nhất một đầu mối quản lý là cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc UBND cấp tỉnh; tăng cường hiệu quả quản lý đối với chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng.

6.2. Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ quy định tại Điều 92, Điều 93 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

6.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.199.000.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 2.199.000.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

VII. Lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng

1. Nhóm thủ tục cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình đối với công trình chuyên ngành nằm trên địa bàn tỉnh/02 tỉnh trở lên (mã TTHC: 1.009758, 1.009788)

1.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời gian giải quyết từ 14 ngày xuống còn 10 ngày.
- Phân cấp triệt để thẩm quyền giải quyết (đối với thủ tục cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình đối với công trình chuyên ngành nằm trên địa bàn 02 tỉnh trở lên) từ Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành về UBND cấp tỉnh.
- Thực hiện trực tuyến toàn trình từ nộp hồ sơ, giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC.

Lý do: Việc thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng hiện nay được đẩy mạnh, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay; đồng thời thực hiện chủ trương phân cấp, phân quyền, tăng cường quyền hạn và trách nhiệm của chính quyền địa phương; góp phần cắt giảm chi phí tuân thủ TTHC, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.

1.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 39 Nghị định 06/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 60.800.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 40.400.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 20.400.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,5%.

2. Nhóm thủ tục cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp, trừ trường hợp nhà ở riêng lẻ (mã TTHC: 1.009787, 1.009791)

1.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 14 ngày xuống còn 10 ngày.
- Phân cấp triệt để thẩm quyền cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp đối với công trình chuyên ngành nằm trên địa bàn 02 tỉnh trở lên (trừ nhà ở riêng lẻ) từ Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành về UBND cấp tỉnh.
- Nộp hồ sơ TTHC và nhận kết quả giải quyết TTHC trực tuyến.

Lý do: Việc thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng hiện nay được đẩy mạnh, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay; đồng thời thực hiện chủ trương phân cấp, phân quyền, tăng cường quyền hạn và trách nhiệm của chính quyền địa phương; góp phần giảm chi phí tuân thủ TTHC, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.

1.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 4 Điều 39, Điều 41 Nghị định 06/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 35/2023/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng).

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 60.800.000 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 40.400.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 20.400.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,5%.

3. Nhóm thủ tục kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình (mã TTHC: 1.009793, 1.009794)

1.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời gian giải quyết từ 30 ngày xuống còn 20 ngày (đối với công trình cấp đặc biệt, công trình cấp I, công trình nằm trên địa bàn hành chính của 02 tỉnh trở lên); giảm từ 20 ngày xuống còn 14 ngày (đối với công trình từ cấp II trở xuống).

- Phân cấp thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình từ cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ chuyên ngành về cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc UBND cấp tỉnh (trừ công trình do Thủ tướng chính phủ giao).

- Nộp hồ sơ TTHC và nhận kết quả giải quyết TTHC trực tuyến.

Lý do: Việc thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng hiện nay được đẩy mạnh, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay; đồng thời thực hiện chủ trương phân cấp, phân quyền, tăng cường quyền hạn và trách nhiệm của chính quyền địa phương; giảm chi phí tuân thủ TTHC, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.

1.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 24 Nghị định 06/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình

xây (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 35/2023/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng).

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 179.500.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 92.720.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 86.780.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 48,3%.

VIII. Lĩnh vực kiểm định kỹ thuật an toàn lao động

1. Nhóm thủ tục cấp, cấp lại chứng chỉ kiểm định viên cho các cá nhân thực hiện kiểm định đối với các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng (mã TTHC: 1.002589, 1.002551)

1.1. Nội dung đơn giản hóa

- Phân cấp triệt để thẩm quyền giải quyết từ Bộ Xây dựng về UBND cấp tỉnh.

- Thực hiện trực tuyến toàn trình từ nộp hồ sơ, giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC.

- Không yêu cầu nộp các văn bản, chứng chỉ, CCCD chỉ cần scan bản gốc gửi theo file đính kèm.

Lý do: Việc thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng hiện nay được đẩy mạnh, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay; đồng thời thực hiện chủ trương phân cấp, phân quyền, tăng cường quyền hạn và trách nhiệm của chính quyền địa phương; góp phần cắt giảm chi phí tuân thủ TTHC, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.

1.2. Kiến nghị thực thi

- Bộ Xây dựng có văn bản đề nghị Bộ Nội vụ sửa đổi Điều 11, Điều 13 Nghị định 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động. .

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 14.700.000 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 10.200.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 4.500.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30,6%.

2. Nhóm thủ tục cấp, cấp lại, gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động cho các tổ chức thực hiện kiểm định đối với các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng (bao gồm: hệ thống cáp pha trượt; hệ thống cáp pha leo; hệ giàn thép ván khuôn trượt; máy khoan, máy ép cọc, đóng cọc chuyên dùng có hệ thống tời nâng; máy bơm bê tông; cần trục tháp; máy vận thăng sử dụng trong thi công xây dựng; máy thi công công trình hầm, ngầm; hệ giàn giáo thép, thanh, cột chống tổ hợp; sàn treo nâng người sử dụng trong thi công xây dựng) (mã TTHC: 1.002650, 1.002636, 1.002613)

1.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 30 ngày xuống còn 20 ngày.
- Phân cấp triệt để thẩm quyền giải quyết từ Bộ Xây dựng về UBND cấp tỉnh.
- Nộp hồ sơ TTHC và nhận kết quả giải quyết TTHC trực tuyến.
- Không yêu cầu nộp các văn bản, chứng chỉ, CCCD chỉ cần scan bản gốc gửi theo file đính kèm.

Lý do: Việc thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng hiện nay được đẩy mạnh, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay; đồng thời, thực hiện chủ trương phân cấp, phân quyền, tăng cường quyền hạn và trách nhiệm của chính quyền địa phương; góp phần giảm chi phí tuân thủ TTHC, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.

1.2. Kiến nghị thực thi

- Đề xuất Bộ Nội vụ sửa đổi Điều 5 Nghị định 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 146.100.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 102.300.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 43.800.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30,0%.

IX. Lĩnh vực giám định tư pháp xây dựng

1. Nhóm thủ tục bổ nhiệm, cấp thẻ giám định viên tư pháp xây dựng (mã TTHC: 2.001041, 2.001116)

1.1. Nội dung đơn giản hóa

- Cắt giảm thủ tục hành chính bổ nhiệm, cấp thẻ giám định viên tư pháp xây dựng

Lý do: Điều 20 Luật Giám định tư pháp được sửa đổi, bổ sung tại khoản 10 Điều 1 Luật Giám định tư pháp đã quy định bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh công nhận, đăng tải người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc trên cổng thông tin điện tử và đã đủ dữ liệu để phục vụ việc lựa chọn, trưng cầu giám định của cơ quan tiến hành tố tụng. Vì vậy, việc bổ nhiệm, cấp thẻ giám định viên tư pháp trong lĩnh vực xây dựng là không cần thiết và phát sinh thủ tục hành chính.

1.2. Kiến nghị thực thi

- Đề xuất Bộ Tư pháp bãi bỏ nội dung về trình tự, thủ tục, hồ sơ, thời hạn tại Điều 8, Điều 9 Luật Giám định tư pháp (được sửa đổi, bổ sung tại điểm a, điểm b khoản 4 và điểm a, điểm b, điểm c khoản 5 Điều 1 Luật số 56/2020/QH14).

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 4.600.000 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 4.600.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

X. Lĩnh vực vật liệu xây dựng

XI. Lĩnh vực nhà ở

1. Thủ tục thông báo đơn vị đủ điều kiện quản lý vận hành nhà chung cư đối với trường hợp nộp hồ sơ tại Bộ Xây dựng

1.1. Nội dung đơn giản hóa

- Nội dung cắt giảm/đơn giản hóa: Bãi bỏ thủ tục hành chính
- Lý do: thực hiện chủ trương về phân cấp, phân quyền, thủ tục hành chính được thực hiện chỉ ở địa phương nhằm phân quyền triệt để.

1.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 1 Điều 85 Nghị định số 95/2024/NĐ-CP: bỏ cụm từ “cơ quan quản lý nhà ở trực thuộc Bộ Xây dựng”
- Lộ trình thực hiện: đã đưa vào Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng, có hiệu lực từ 01/7/2025.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi đơn giản hóa: 21.800.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 21.800.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %.

2. Thủ tục thẩm định giá bán, giá thuê mua nhà ở xã hội/ nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân

2.1. Nội dung đơn giản hóa

- Nội dung cắt giảm/đơn giản hóa: Bãi bỏ thủ tục hành chính thẩm định giá bán, giá thuê mua nhà ở xã hội của cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại Điều 35 của Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26/7/2024 của Chính phủ.

- Lý do: Thực hiện thí điểm về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển nhà ở xã hội.

2.2. Kiến nghị thực thi

- Thí điểm thực hiện từ 01/6/2025 đến 01/6/2030.
- Lộ trình thực hiện: Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 201/2025/QH15 thí điểm về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển nhà ở xã hội (có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 6 năm 2025 và thực hiện trong thời gian 05 năm)

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi đơn giản hóa: 32.800.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 32.800.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

3. Thủ tục trình Thủ tướng Chính phủ cho phép chuyển đổi công năng đối với nhà ở quy định tại điểm c khoản 1 Điều 57 của Nghị định số 95/2024/NĐ-CP

3.1. Nội dung đơn giản hóa

- Nội dung cắt giảm/đơn giản hóa: Rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính từ 75 ngày giảm còn 30 ngày; Phân cấp thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính từ cấp Bộ xuống cấp tỉnh.

- Lý do: thực hiện chủ trương phân cấp, phân quyền, ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân. Đồng thời hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

3.2. Kiến nghị thực thi: đã đưa vào Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng, có hiệu lực từ 01/7/2025.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi đơn giản hóa: 2.238.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ sau khi đơn giản hóa: 2.075.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 163.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 7 %.

4. Thủ tục chuyển đổi công năng nhà ở đối với nhà ở xây dựng trong dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của Bộ Xây dựng

4.1. Nội dung đơn giản hóa

- Nội dung cắt giảm/đơn giản hóa: Rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục từ 60 ngày giảm còn 30 ngày; Phân cấp thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính từ cấp Bộ xuống cấp tỉnh.

- Lý do: thực hiện chủ trương phân cấp, phân quyền, ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân. Đồng thời hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

4.2. Kiến nghị thực thi: đã đưa vào Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng, có hiệu lực từ 01/7/2025.

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi đơn giản hóa: 2.157.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ sau khi đơn giản hóa: 2.075.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 82.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 4 %.

5. Thủ tục chuyển đổi công năng nhà ở đối với nhà ở xây dựng trong dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh

5.1. Nội dung đơn giản hóa

- Nội dung cắt giảm/đơn giản hóa: Rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục từ 45 ngày giảm còn 30 ngày

- Lý do: Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân. Đồng thời hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

5.2. Kiến nghị thực thi: đã đưa vào Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng, có hiệu lực từ 01/7/2025.

5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi đơn giản hóa: 2.075.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ sau khi đơn giản hóa: 2.075.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

6. Thủ tục đề xuất cơ chế ưu đãi đầu tư theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 198 của Luật Nhà ở 2023

6.1. Nội dung đơn giản hóa

- Nội dung cắt giảm/đơn giản hóa: Rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục từ 50 ngày giảm còn 30 ngày

- Lý do: Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân. Đồng thời hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

6.2. Kiến nghị thực thi: đã đưa vào Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng, có hiệu lực từ 01/7/2025.

6.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi đơn giản hóa: 500.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ sau khi đơn giản hóa: 500.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

XII. Lĩnh vực kinh doanh bất động sản

1. Cấp mới chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản

1.1. Nội dung đơn giản hóa

- Nội dung cắt giảm/đơn giản hóa: Đơn giản hóa thủ tục trong đó đề xuất bỏ 02 giấy tờ trong thành phần hồ sơ bao gồm:

+ 01 Bản sao chứng thực Giấy chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân hoặc Thẻ căn cước theo quy định của pháp luật về căn cước; giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam hoặc giấy xác nhận là người gốc Việt Nam theo quy định của pháp luật quốc tịch hoặc hộ chiếu (hoặc bản sao có bản chính để đối chiếu).

+ Bản sao và bản dịch có chứng thực chứng chỉ do nước ngoài cấp (đối với người nước ngoài và người Việt Nam có chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do nước ngoài cấp đang còn giá trị).

- Lý do: Sử dụng, khai thác dữ liệu đã được số hoá của cơ quan nhà nước và trên cơ sở dữ liệu quốc gia, để giảm bớt thời gian của người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính.

1.2. Kiến nghị thực thi

- Kiến nghị sửa đổi bỏ khoản 2, khoản 6 Điều 26 Nghị định số 96/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản.

- Lộ trình thực hiện: 2025.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi đơn giản hóa: 3,937,500,000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ sau khi đơn giản hóa: 2,626,000,000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1,311,500,000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,3%.

2. Cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (Trường hợp chứng chỉ bị mất, bị rách, bị cháy, bị hủy hoại chứng chỉ do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng khác)

2.1. Nội dung đơn giản hóa

- Nội dung cắt giảm/đơn giản hóa: Đơn giản hóa thủ tục trong đó đề xuất bỏ 01 giấy tờ trong thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Chứng chỉ cũ (nếu có)

- Lý do: Sử dụng, khai thác dữ liệu đã được số hoá của cơ quan nhà nước và trên cơ sở dữ liệu quốc gia, để giảm bớt thời gian của người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính.

2.2. Kiến nghị thực thi

- Kiến nghị sửa đổi bỏ điểm c khoản 9 Điều 31 Nghị định số 96/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản.

- Lộ trình thực hiện: 2025.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi đơn giản hóa: 28,400,000 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi đơn giản hóa: 21,900,000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 6,600,000 triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 23,1 %.

3. Cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (Trường hợp chứng chỉ cũ bị hết hạn hoặc sắp hết hạn)

3.1. Nội dung đơn giản hóa

- Nội dung cắt giảm/đơn giản hóa: Đơn giản hóa thủ tục trong đó đề xuất bỏ 02 giấy tờ trong thành phần hồ sơ bao gồm:

+ 01 Bản sao chứng thực Giấy chứng minh nhân dân

+ Chứng chỉ cũ (bản gốc)

- Lý do: Sử dụng, khai thác dữ liệu đã được số hoá của cơ quan nhà nước và trên cơ sở dữ liệu quốc gia, để giảm bớt thời gian của người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính.

3.2. Kiến nghị thực thi

- Kiến nghị sửa điểm a và sửa đổi bỏ điểm b khoản 3 Điều 32 Nghị định số 96/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản.

- Lộ trình thực hiện: 2025.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi đơn giản hóa: 70,000,000 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi đơn giản hóa: 48,100,000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 21,900,000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 31,3 %.

4. Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư

4.1. Nội dung đơn giản hóa

- Nội dung cắt giảm/đơn giản hóa: Rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính từ 60 ngày giảm còn 27 ngày; Phân cấp thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính từ cấp Bộ xuống cấp tỉnh.

- Lý do: thực hiện chủ trương về phân cấp, phân quyền, thủ tục hành chính được thực hiện chỉ ở địa phương nhằm phân quyền triệt để; đồng thời hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

4.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 41, 42 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023 và Điều 10 Nghị định số 96/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024.

- Lộ trình thực hiện:

+ Điều 10 Nghị định số 96/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024: Chính phủ đã ban hành Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng, có hiệu lực từ 01/7/2025.

+ Sửa đổi Điều 41, 42 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023: 2025 – 2026.

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi đơn giản hóa: 18,400,000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ sau khi đơn giản hóa: 18,400,000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 0 triệu đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

5. Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc đầu tư

5.1. Nội dung đơn giản hóa

- Nội dung cắt giảm/đơn giản hóa: Rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính từ 45 ngày giảm còn 27 ngày.

- Lý do: Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

5.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 41, 42 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023 và Điều 11 Nghị định số 96/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024.

- Lộ trình thực hiện:

+ Điều 11 Nghị định số 96/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024: Chính phủ đã ban hành Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền,

phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng, có hiệu lực từ 01/7/2025.

+ Sửa đổi Điều 41, 42 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023: 2025 – 2026.

5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi đơn giản hóa: 23,000,000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ sau khi đơn giản hóa: 23,000,000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

6. Cấp giấy phép hoạt động của Sàn Giao dịch bất động sản

6.1. Nội dung đơn giản hóa

- Nội dung cắt giảm/đơn giản hóa: Bãi bỏ thủ tục hành chính
- Lý do: Thực hiện theo Nghị quyết 138/NQ-CP ngày 16/5/2025 của Chính phủ Ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân trong đó quy định nhiệm vụ cho các bộ, ngành xây dựng và triển khai kế hoạch rà soát điều kiện đầu tư kinh doanh để sửa đổi hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi nhằm chuyển toàn bộ các điều kiện kinh doanh, giấy phép, chứng nhận sang thực hiện công bố và hậu kiểm, trừ một số trường hợp bắt buộc phải thực hiện thủ tục cấp phép theo quy định và thông lệ quốc tế”

6.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 3 Điều 54 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023 và Điều 14 Nghị định số 96/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024.
- Lộ trình thực hiện: 2025 – 2026.

6.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi đơn giản hóa: 30,630,000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ sau khi đơn giản hóa: 0 triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 30,630,000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %.

7. Cấp lại giấy phép hoạt động của Sàn Giao dịch bất động sản (trong trường hợp Giấy phép bị mất, bị rách, bị cháy, bị tiêu hủy, bị hỏng)

7.1. Nội dung đơn giản

- Nội dung cắt giảm/đơn giản hóa: Bãi bỏ thủ tục hành chính
- Lý do: Thực hiện theo Nghị quyết 138/NQ-CP ngày 16/5/2025 của Chính phủ Ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân

trong đó quy định nhiệm vụ cho các bộ ngành: “*Các bộ, ngành xây dựng và triển khai kế hoạch rà soát điều kiện đầu tư kinh doanh để sửa đổi hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi nhằm chuyển toàn bộ các điều kiện kinh doanh, giấy phép, chứng nhận sang thực hiện công bố và hậu kiểm, trừ một số trường hợp bắt buộc phải thực hiện thủ tục cấp phép theo quy định và thông lệ quốc tế*”

7.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 3 Điều 17 Nghị định số 96/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024.
- Lộ trình thực hiện: 2025.

7.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi đơn giản hóa: 2,190,000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ sau khi đơn giản hóa: 0 triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 2,190,000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %.

8. Cấp lại giấy phép hoạt động của Sàn Giao dịch bất động sản (trong trường hợp thay đổi thông tin của Sàn)

8.1. Nội dung đơn giản hóa

- Nội dung cắt giảm/đơn giản hóa: Bãi bỏ thủ tục hành chính
- Lý do: Thực hiện theo Nghị quyết 138/NQ-CP ngày 16/5/2025 của Chính phủ Ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân trong đó quy định nhiệm vụ cho các bộ ngành: “*Các bộ, ngành xây dựng và triển khai kế hoạch rà soát điều kiện đầu tư kinh doanh để sửa đổi hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi nhằm chuyển toàn bộ các điều kiện kinh doanh, giấy phép, chứng nhận sang thực hiện công bố và hậu kiểm, trừ một số trường hợp bắt buộc phải thực hiện thủ tục cấp phép theo quy định và thông lệ quốc tế*”

8.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 3 Điều 17 Nghị định số 96/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024.
- Lộ trình thực hiện: 2025.

8.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi đơn giản hóa: 2,190,000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ sau khi đơn giản hóa: 0 triệu đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 2,190,000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %.

XIII. Lĩnh vực quy hoạch kiến trúc

1. Thủ tục Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh (1.002701)

1.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Bổ yêu cầu phải lập nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết quy hoạch đô thị và nông thôn đối với trường hợp sau:

- Lô đất thực hiện dự án đầu tư xây dựng và đáp ứng đồng thời các điều kiện: (a) Trong khu vực đã có quy hoạch phân khu được phê duyệt hoặc trong khu vực đã có quy hoạch chung được phê duyệt đối với trường hợp không quy định lập quy hoạch phân khu; (b) Do một chủ đầu tư thực hiện đầu tư xây dựng hoặc do cơ quan nhà nước được giao thực hiện lập quy hoạch tổng mặt bằng; (c) Có quy mô sử dụng đất nhỏ hơn 02 ha đối với dự án đầu tư xây dựng nhà chung cư, khu chung cư; hoặc có quy mô sử dụng đất nhỏ hơn 10 ha đối với dự án đầu tư xây dựng nhà máy, xí nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật không theo tuyến được xác định theo quy hoạch chung hoặc quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật hoặc quy hoạch tỉnh hoặc quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành đã được phê duyệt; hoặc có quy mô sử dụng đất nhỏ hơn 05 ha đối với các trường hợp còn lại không phải khu nhà ở liền kề; (d) Không thuộc trường hợp phải đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất.

- Đối với dự án quốc phòng, an ninh cần bảo đảm bí mật nhà nước theo quy định của cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao quản lý, thực hiện xây dựng công trình bí mật nhà nước.

b) Quy định số lượng, thành phần hồ sơ: 01 bộ.

c) Bổ sung cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ qua hệ thống văn bản liên thông.

d) Giảm thời gian thực hiện thẩm định: từ 20 ngày xuống 15 ngày.

Lý do: Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang đổi mới phương thức quản lý của cơ quan nhà nước, ứng dụng sử dụng công nghệ thông tin thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

1.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi toàn bộ Chương II về Quy hoạch xây dựng tại Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 35/2018/QH14 ngày 19/11/2018 sửa đổi một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;

- Bãi bỏ toàn bộ Luật Quy hoạch đô thị năm 2009; Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-

CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị; quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn; Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị; Thông tư số 02/2024/TT-BXD ngày 20/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí quy hoạch chi tiết theo quy trình rút gọn.

- Lộ trình thực hiện: 2025.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giảm đối tượng phải thẩm định nhiệm vụ, điều chỉnh nhiệm vụ: khoảng 30%/năm.

- Giảm thời gian thực hiện thẩm định: từ 20 ngày xuống 15 ngày

- Chi phí thực hiện TTHC trước khi đơn giản hóa: 119.419.000 đồng/năm

- Chi phí thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 83.593.300 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 35.825.700 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

2. Thủ tục Thẩm định quy hoạch chi tiết, điều chỉnh quy hoạch chi tiết quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh (1.003011)

2.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Bổ yêu cầu phải thẩm định quy hoạch chi tiết, điều chỉnh quy hoạch chi tiết quy hoạch đô thị và nông thôn (chỉ thực hiện việc lập, chấp thuận quy hoạch tổng mặt bằng) đối với trường hợp sau:

- Lô đất thực hiện dự án đầu tư xây dựng và đáp ứng đồng thời các điều kiện:

(a) Trong khu vực đã có quy hoạch phân khu được phê duyệt hoặc trong khu vực đã có quy hoạch chung được phê duyệt đối với trường hợp không quy định lập quy hoạch phân khu; (b) Do một chủ đầu tư thực hiện đầu tư xây dựng hoặc do cơ quan nhà nước được giao thực hiện lập quy hoạch tổng mặt bằng; (c) Có quy mô sử dụng đất nhỏ hơn 02 ha đối với dự án đầu tư xây dựng nhà chung cư, khu chung cư; hoặc có quy mô sử dụng đất nhỏ hơn 10 ha đối với dự án đầu tư xây dựng nhà máy, xí nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật không theo tuyến được xác định theo quy hoạch chung hoặc quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật hoặc quy hoạch tỉnh hoặc quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành đã được phê duyệt; hoặc có quy mô sử dụng đất nhỏ hơn 05 ha đối

với các trường hợp còn lại không phải khu nhà ở liền kề; (d) Không thuộc trường hợp phải đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất.

- Đối với dự án quốc phòng, an ninh cần bảo đảm bí mật nhà nước theo quy định của cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao quản lý, thực hiện xây dựng công trình bí mật nhà nước.

b) Quy định số lượng, thành phần hồ sơ: 01 bộ.

c) Bổ sung cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ qua hệ thống văn bản liên thông

Lý do: Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang đổi mới phương thức quản lý của cơ quan nhà nước, ứng dụng sử dụng công nghệ thông tin thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử.

2.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi toàn bộ Chương II về Quy hoạch xây dựng tại Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 35/2018/QH14 ngày 19/11/2018 sửa đổi một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;

- Bãi bỏ toàn bộ Luật Quy hoạch đô thị năm 2009; Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị; quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn; Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị; Thông tư số 02/2024/TT-BXD ngày 20/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí quy hoạch chi tiết theo quy trình rút gọn.

- Lộ trình thực hiện: 2025.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giảm đối tượng phải thẩm định quy hoạch chi tiết, điều chỉnh quy hoạch chi tiết quy hoạch đô thị và nông thôn (chỉ thực hiện việc lập, chấp thuận quy hoạch tổng mặt bằng): khoảng 30%/năm.

- Chi phí thực hiện TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.310.920.463 đồng/năm.

- Chi phí thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 917.644.324 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 393.275.676 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30 %.

3. Thủ tục Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị và nông thôn thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp xã (1.002662)

3.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Bổ yêu cầu phải lập nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết quy hoạch đô thị và nông thôn đối với trường hợp sau:

- Lô đất thực hiện dự án đầu tư xây dựng và đáp ứng đồng thời các điều kiện: (a) Trong khu vực đã có quy hoạch phân khu được phê duyệt hoặc trong khu vực đã có quy hoạch chung được phê duyệt đối với trường hợp không quy định lập quy hoạch phân khu; (b) Do một chủ đầu tư thực hiện đầu tư xây dựng hoặc do cơ quan nhà nước được giao thực hiện lập quy hoạch tổng mặt bằng; (c) Có quy mô sử dụng đất nhỏ hơn 02 ha đối với dự án đầu tư xây dựng nhà chung cư, khu chung cư; hoặc có quy mô sử dụng đất nhỏ hơn 10 ha đối với dự án đầu tư xây dựng nhà máy, xí nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật không theo tuyến được xác định theo quy hoạch chung hoặc quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật hoặc quy hoạch tỉnh hoặc quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành đã được phê duyệt; hoặc có quy mô sử dụng đất nhỏ hơn 05 ha đối với các trường hợp còn lại không phải khu nhà ở liền kề; (d) Không thuộc trường hợp phải đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất.

- Đối với dự án quốc phòng, an ninh cần bảo đảm bí mật nhà nước theo quy định của cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao quản lý, thực hiện xây dựng công trình bí mật nhà nước.

b) Quy định số lượng, thành phần hồ sơ: 01 bộ.

c) Bổ sung cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ qua hệ thống văn bản liên thông.

d) Giảm thời gian thực hiện thẩm định: từ 20 ngày xuống 15 ngày.

Lý do: Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang đổi mới phương thức quản lý của cơ quan nhà nước, ứng dụng sử dụng công nghệ thông tin thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

3.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi toàn bộ Chương II về Quy hoạch xây dựng tại Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 35/2018/QH14 ngày 19/11/2018 sửa đổi một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;

- Bãi bỏ toàn bộ Luật Quy hoạch đô thị năm 2009; Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy

định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị; quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn; Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị; Thông tư số 02/2024/TT-BXD ngày 20/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí quy hoạch chi tiết theo quy trình rút gọn.

- Lộ trình thực hiện: 2025.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giảm đối tượng phải thẩm định nhiệm vụ, điều chỉnh nhiệm vụ: khoảng 30%/năm.

- Giảm thời gian thực hiện thẩm định: từ 20 ngày xuống 15 ngày

- Chi phí thực hiện TTHC trước khi đơn giản hóa: 119.419.000 đồng/năm

- Chi phí thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 83.593.300 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 35.825.700 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30 %.

4. Thủ tục Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị và nông thôn thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp xã (1.003141)

4.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Bỏ yêu cầu phải thẩm định quy hoạch chi tiết, điều chỉnh quy hoạch chi tiết quy hoạch đô thị và nông thôn (chỉ thực hiện việc lập, chấp thuận quy hoạch tổng mặt bằng) đối với trường hợp sau:

- Lô đất thực hiện dự án đầu tư xây dựng và đáp ứng đồng thời các điều kiện:

(a) Trong khu vực đã có quy hoạch phân khu được phê duyệt hoặc trong khu vực đã có quy hoạch chung được phê duyệt đối với trường hợp không quy định lập quy hoạch phân khu; (b) Do một chủ đầu tư thực hiện đầu tư xây dựng hoặc do cơ quan nhà nước được giao thực hiện lập quy hoạch tổng mặt bằng; (c) Có quy mô sử dụng đất nhỏ hơn 02 ha đối với dự án đầu tư xây dựng nhà chung cư, khu chung cư; hoặc có quy mô sử dụng đất nhỏ hơn 10 ha đối với dự án đầu tư xây dựng nhà máy, xí nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật không theo tuyến được xác định theo quy hoạch chung hoặc quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật hoặc quy hoạch tỉnh hoặc quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành đã được phê duyệt; hoặc có quy mô sử dụng đất nhỏ hơn 05 ha đối

với các trường hợp còn lại không phải khu nhà ở liền kề; (d) Không thuộc trường hợp phải đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất.

- Đối với dự án quốc phòng, an ninh cần bảo đảm bí mật nhà nước theo quy định của cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao quản lý, thực hiện xây dựng công trình bí mật nhà nước.

b) Quy định số lượng, thành phần hồ sơ: 01 bộ.

c) Bổ sung cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ qua hệ thống văn bản liên thông

Lý do: Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang đổi mới phương thức quản lý của cơ quan nhà nước, ứng dụng sử dụng công nghệ thông tin thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử.

4.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi toàn bộ Chương II về Quy hoạch xây dựng tại Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 35/2018/QH14 ngày 19/11/2018 sửa đổi một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;

- Bãi bỏ toàn bộ Luật Quy hoạch đô thị năm 2009; Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị; quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn; Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị; Thông tư số 02/2024/TT-BXD ngày 20/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí quy hoạch chi tiết theo quy trình rút gọn.

- Lộ trình thực hiện: 2025.

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giảm đối tượng phải thẩm định quy hoạch chi tiết, điều chỉnh quy hoạch chi tiết quy hoạch đô thị và nông thôn (chỉ thực hiện việc lập, chấp thuận quy hoạch tổng mặt bằng): khoảng 30%/năm.

- Chi phí thực hiện TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.310.920.463 đồng/năm.

- Chi phí thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 917.644.324 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 393.275.676 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30 %.

5. Thủ tục Cung cấp thông tin về quy hoạch đô thị và nông thôn đã được phê duyệt thuộc thẩm quyền cấp tỉnh (1.008432)

5.1. Nội dung đơn giản hóa

- a) Giảm thời gian thực hiện: từ 07 ngày xuống còn không quá 03 ngày.
- b) Quy định số lượng, thành phần hồ sơ: 01 bộ.
- c) Bổ sung cách thức thực hiện TTHC: Nộp hồ sơ qua hệ thống trực tuyến

Lý do: Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang đổi mới phương thức quản lý của cơ quan nhà nước, ứng dụng sử dụng công nghệ thông tin thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

5.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi: Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 35/2018/QH14 ngày 19/11/2018 sửa đổi một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch; Luật Quy hoạch đô thị năm 2009; Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị; quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn

- Lộ trình thực hiện: 2025.

5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giảm thời gian thực hiện: từ 07 ngày xuống còn không quá 03 ngày.
- Chi phí thực hiện TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.209.000 đồng/năm
- Chi phí thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 2.209.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

6. Thủ tục Cung cấp thông tin về quy hoạch đô thị và nông thôn đã được phê duyệt thuộc thẩm quyền cấp xã (1.008455)

6.1. Nội dung đơn giản hóa

- a) Giảm thời gian thực hiện: từ 07 ngày xuống còn không quá 03 ngày.
- b) Quy định số lượng, thành phần hồ sơ: 01 bộ.
- c) Bổ sung cách thức thực hiện TTHC: Nộp hồ sơ qua hệ thống trực tuyến.

Lý do: Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang đổi mới phương thức quản lý của cơ quan nhà nước, ứng dụng sử dụng công nghệ thông tin thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

6.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi: Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 35/2018/QH14 ngày 19/11/2018 sửa đổi một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch; Luật Quy hoạch đô thị năm 2009; Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị; quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn

- Lộ trình thực hiện: Thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn và có hiệu lực từ 01/7/2025.

6.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giảm thời gian thực hiện: từ 07 ngày xuống còn không quá 03 ngày.
- Chi phí thực hiện TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.209.000 đồng/năm
- Chi phí thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 2.209.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

7. Thủ tục Công nhận tổ chức xã hội - nghề nghiệp, cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo đủ điều kiện thực hiện sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc (1.008881)

7.1. Nội dung đơn giản hóa

- a) Quy định số lượng, thành phần hồ sơ: 01 bộ.

Lý do: Đảm bảo tính rõ ràng và thuận lợi trong thực hiện TTHC.

b) Bổ sung cách thức thực hiện TTHC: Nộp hồ sơ qua hệ thống trực tuyến.

c) Giảm thời gian công nhận: từ 15 ngày xuống còn không quá 10 ngày.

d) Cắt giảm điều kiện liên quan đến đầu tư kinh doanh: Yêu cầu cung cấp thông tin về việc thành lập tổ chức xã hội - nghề nghiệp, cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo.

Lý do: Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang đổi mới phương thức quản lý của cơ quan nhà nước, ứng dụng sử dụng công nghệ thông tin thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

7.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi: Luật Kiến trúc năm 2019; Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc; Thông tư số 03/2020/TT-BXD ngày 28/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ thiết kế kiến trúc và mẫu chứng chỉ hành nghề kiến trúc

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

7.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giảm thời gian công nhận: từ 15 ngày xuống còn không quá 10 ngày.

- Tỷ lệ cắt giảm điều kiện liên quan đến đầu tư kinh doanh: 33,3%

- Chi phí thực hiện TTHC trước khi đơn giản hóa: 3.400.000 đồng/năm

- Chi phí thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 2.075.700 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.324.300 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 39 %.

8. Thủ tục Cấp, cấp lại, gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc (1.008891)

8.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Quy định số lượng, thành phần hồ sơ: 01 bộ.

b) Bổ sung cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ qua hệ thống trực tuyến

c) Giảm thời gian thực hiện: từ 15 ngày xuống còn không quá 10 ngày đối với trường hợp cấp, giảm 10 ngày xuống còn 07 ngày đối với trường hợp gia hạn, giảm từ 05 ngày xuống còn 03 ngày đối với trường hợp cấp lại.

d) Cắt giảm điều kiện liên quan đến đầu tư kinh doanh: Bãi bỏ về việc yêu cầu xuất trình: quyết định phân công công việc và hợp đồng, biên bản nghiệm thu các công việc đã thực hiện đối với cá nhân hoạt động độc lập; giấy tờ hợp pháp về cư trú hoặc giấy phép lao động do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp đối với trường hợp cá nhân là người nước ngoài.

Lý do: Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang đổi mới phương thức quản lý của cơ quan nhà nước, ứng dụng sử dụng công nghệ thông tin thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

8.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi: Điều 28 Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

8.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giảm thời gian thực hiện: từ 15 ngày xuống còn không quá 10 ngày đối với trường hợp cấp, giảm 10 ngày xuống còn 07 ngày đối với trường hợp gia hạn, giảm từ 05 ngày xuống còn 03 ngày đối với trường hợp cấp lại.

- Tỷ lệ cắt giảm điều kiện liên quan đến đầu tư kinh doanh: 25 %

- Chi phí thực hiện TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.538.000 đồng/năm

- Chi phí thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 2.538.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

9. Thủ tục Công nhận, chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam (1.008992)

9.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Quy định số lượng, thành phần hồ sơ: 01 bộ.

b) Bổ sung cách thức thực hiện TTHC: Nộp hồ sơ qua hệ thống trực tuyến

d) Giảm thời gian thực hiện: từ 10 ngày xuống còn không quá 07 ngày.

e) Cắt giảm điều kiện liên quan đến đầu tư kinh doanh: Bãi bỏ yêu cầu xuất trình văn bằng đào tạo do cơ quan, tổ chức nước ngoài cấp, dịch ra tiếng Việt và được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam; giấy tờ hợp pháp về cư trú hoặc giấy phép lao động do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp đối với trường hợp cá nhân là người nước ngoài.

Lý do: Hiện nay các Bộ, ngành, địa phương đang đổi mới phương thức quản lý của cơ quan nhà nước, ứng dụng sử dụng công nghệ thông tin thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

9.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi: Điều 31 Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026

9.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giảm thời gian thực hiện: từ 10 ngày xuống còn không quá 07 ngày.
- Cắt giảm điều kiện liên quan đến đầu tư kinh doanh: 66,7%
- Chi phí thực hiện TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.388.500 đồng/năm
- Chi phí thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 2.388.500 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

10. Thủ tục Cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc (do chứng chỉ hành nghề bị mất, hư hỏng hoặc thay đổi thông tin cá nhân được ghi trong chứng chỉ hành nghề kiến trúc) (1.008989)

10.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ toàn bộ.

10.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi: Luật Kiến trúc năm 2019; Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc; Thông tư số 03/2020/TT-BXD ngày 28/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ thiết kế kiến trúc và mẫu chứng chỉ hành nghề .

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025-2026

10.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí thực hiện TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.238.500 đồng/năm
- Chi phí thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 2.238.500 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %.

11. Thủ tục Cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp (1.008990)

11.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ toàn bộ

11.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi: Luật Kiến trúc năm 2019; Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc; Thông tư số 03/2020/TT-BXD ngày 28/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ thiết kế kiến trúc và mẫu chứng chỉ hành nghề .

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

11.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí thực hiện TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.238.500 đồng/năm
- Chi phí thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 2.238.500 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %.

12. Thủ tục Gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc (1.008991)

12.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ toàn bộ.

12.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi: Luật Kiến trúc năm 2019; Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc; Thông tư số 03/2020/TT-BXD ngày 28/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ thiết kế kiến trúc và mẫu chứng chỉ hành nghề .

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

12.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí thực hiện TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.238.500 đồng/năm
- Chi phí thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 2.238.500 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %.

13. Thủ tục Chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam (1.008993)

13.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ toàn bộ.

13.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi: Luật Kiến trúc năm 2019; Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc; Thông tư số 03/2020/TT-BXD ngày 28/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ thiết kế kiến trúc và mẫu chứng chỉ hành nghề .

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

13.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí thực hiện TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.538.500 đồng/năm
- Chi phí thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 2.538.500 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %.

XIV. Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật

1. Thủ tục hoặc nhóm thủ tục: chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị

1.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Giảm đối tượng phải thực hiện thủ tục

Lý do: giao quyền tự chủ cho tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu cây xanh hạn chế thuộc đối tượng phải xin phép chặt hạ; các dự án đầu tư xây dựng đã có phương án chặt hạ, dịch chuyển cây xanh thuộc phạm vi của dự án thì không cần xin giấy phép

b) Giảm thành phần hồ sơ thực hiện

Lý do: bỏ sơ đồ vị trí cây cần chặt hạ, dịch chuyển trong thành phần hồ sơ

1.2. Kiến nghị thực thi

được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định về quản lý công viên, cây xanh, mặt nước hiện đang hoàn thiện, trình Chính phủ trong tháng 6/2025.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.100.000.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 371.000.000.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.729.000.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 82,3 %.

XV. Lĩnh vực thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

1. Thủ tục hành chính: **Cấp mới Giấy chứng nhận hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng** (trong trường hợp: Cấp lần đầu hoặc Giấy chứng nhận hết hạn mà tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng có nhu cầu tiếp tục hoạt động)

1.1. Nội dung đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa: Bãi bỏ

- Lý do: Đổi mới phương thức quản lý của cơ quan nhà nước, tạo sự chủ động cho doanh nghiệp.

1.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa các nội dung quy định tại Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo hướng chỉ quy định điều kiện năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng. Sửa khoản 4 điều 8 Nghị định số 35/NĐ/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng theo hướng bỏ các nội dung liên quan giấy chứng nhận năng lực thí nghiệm chuyên ngành xây dựng và mã las xây dựng; Sửa khoản 7 điều 8 Nghị định số 35/NĐ/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ quy định lại trách nhiệm công bố năng lực thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; cơ quan chuyên môn về xây dựng tiếp nhận công bố của các tổ chức thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

- Lộ trình thực hiện: 2025.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 4.352.400.000 VNĐ/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi cắt giảm: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 4.352.400.000 VNĐ/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %.

2. Thủ tục hành chính: **Bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng** (trong trường hợp tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thay đổi địa điểm đặt phòng thí nghiệm hoặc thay đổi, bổ sung, sửa đổi chỉ tiêu thí nghiệm, tiêu chuẩn thí nghiệm trong Giấy chứng nhận hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng).

2.1. Nội dung đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa: Bãi bỏ

- Lý do: Đổi mới phương thức quản lý của cơ quan nhà nước, tạo sự chủ động cho doanh nghiệp.

2.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa các nội dung quy định tại Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo hướng chỉ quy định điều kiện

năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng. Sửa khoản 4 điều 8 Nghị định số 35/NĐ/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng theo hướng bỏ các nội dung liên quan giấy chứng nhận năng lực thí nghiệm chuyên ngành xây dựng và mã las xây dựng; Sửa khoản 7 điều 8 Nghị định số 35/NĐ/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ quy định lại trách nhiệm công bố năng lực thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; cơ quan chuyên môn về xây dựng tiếp nhận công bố của các tổ chức thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

- Lộ trình thực hiện: 2025.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 4.352.400.000 VNĐ/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi cắt giảm: 0 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 4.352.400.000 VNĐ/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %.

3. Thủ tục hành chính: Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thay đổi địa chỉ, tên của tổ chức trong Giấy chứng nhận hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng đã được cấp)

3.1. Nội dung đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa: Bãi bỏ

- Lý do: Đổi mới phương thức quản lý của cơ quan nhà nước, tạo sự chủ động cho doanh nghiệp.

3.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa các nội dung quy định tại Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo hướng chỉ quy định điều kiện năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng. Sửa khoản 4 điều 8 Nghị định số 35/NĐ/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng theo hướng bỏ các nội dung liên quan giấy chứng nhận năng lực thí nghiệm chuyên ngành xây dựng và mã las xây dựng; Sửa khoản 7 điều 8 Nghị định số 35/NĐ/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ quy định lại trách nhiệm công bố năng lực thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; cơ quan chuyên môn về xây dựng tiếp nhận công bố của các tổ chức thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

- Lộ trình thực hiện: 2025.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 4.352.400.000 VNĐ/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi cắt giảm: 0 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 4.352.400.000 VNĐ/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %.

4. Thủ tục hành chính: Cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (còn thời hạn nhưng bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị ghi sai thông tin hoặc tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng xin dừng thực hiện một số chỉ tiêu trong Giấy chứng nhận hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)

4.1. Nội dung đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa: Bãi bỏ

- Lý do: Đổi mới phương thức quản lý của cơ quan nhà nước, tạo sự chủ động cho doanh nghiệp.

4.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa các nội dung quy định tại Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo hướng chỉ quy định điều kiện năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng. Sửa khoản 4 điều 8 Nghị định số 35/NĐ/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng theo hướng bỏ các nội dung liên quan giấy chứng nhận năng lực thí nghiệm chuyên ngành xây dựng và mã las xây dựng; Sửa khoản 7 điều 8 Nghị định số 35/NĐ/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ quy định lại trách nhiệm công bố năng lực thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; cơ quan chuyên môn về xây dựng tiếp nhận công bố của các tổ chức thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

- Lộ trình thực hiện: 2025.

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 4.352.400.000 VNĐ/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi cắt giảm: 0 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 4.352.400.000 VNĐ/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %.

XVI. Lĩnh vực khác (giao thông vận tải)

1. Thủ tục hoặc nhóm thủ tục: Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đa phương thức quốc tế

1.1 Nội dung đơn giản hóa

- a) Cắt giảm thời gian thực hiện Cấp mới từ 05 ngày xuống còn 03 ngày.
- b) Cắt giảm thời gian thực hiện Cấp lại từ 03 ngày xuống còn 02 ngày.

Lý do: Hiện các bộ, ngành, địa phương đang thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ điện tử, nên việc rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính là phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

1.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 6, Điều 7 Nghị định số 144/2018/NĐ-CP ngày 16/10/2018 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung các Nghị định về vận tải đa phương thức.
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 4.200.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 4.200.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.